

LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới, trong những năm vừa qua kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến khởi sắc. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các doanh nghiệp được phép hoạt động kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ pháp luật. Để có thể khẳng định chỗ đứng của mình thì bất kể doanh nghiệp nào cũng cần phải có chính sách đường lối cũng như các công cụ quản lý đặc lực.

Là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nguyên vật liệu là tư liệu lao động chủ yếu cấu thành nên thực tế sản phẩm, đồng thời còn ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành và chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu sẽ hạn chế được những thất thoát và lãng phí là cơ sở để giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong hiện đại và tương lai.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất, trên cơ sở lý luận đã được học trong nhà trường và thời gian thực tập tại Công ty cổ phần VILACO, em đã đi sâu tìm hiểu về phần hành kế toán nguyên vật liệu và chọn đề tài "*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần VILACO* " làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Bài khóa luận của em gồm có 3 chương:

Chương I: Lý luận chung về công tác kế toán vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần VILACO.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần VILACO.

Do kiến thức lý luận và thực tế hiểu biết chưa nhiều nên trong bài viết của em còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Em rất mong được các thầy cô giáo và các cán bộ trong Công ty chỉ bảo thêm để có điều kiện nâng cao kiến thức của mình phục vụ cho công tác sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP****1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.****1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.**

Nguyên vật liệu là một trong những nhân tố cấu thành nên sản phẩm, sau quá trình sản xuất kinh doanh giá trị của nó chuyển dịch hết vào giá trị sản phẩm. Do đó nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Để đạt được mục tiêu cao nhất của doanh nghiệp là lợi nhuận thì mục tiêu trước mắt là giảm giá thành sản phẩm. Quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ là góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

Kế toán là công cụ phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu. Nó góp phần kiểm soát, tránh thất thoát, lãng phí nguyên vật liệu ở tất cả các khâu dự trữ, sử dụng, thu hồi... ngoài ra còn đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời, đồng bộ các nguyên vật liệu cần thiết cho sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình vật tư để chỉ đạo tiến độ sản xuất. Hạch toán nguyên vật liệu phải đảm bảo chính xác, kịp thời và đầy đủ tình hình thu mua, nhập xuất dự trữ vật liệu. Tính chính xác của hạch toán kế toán nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm.

Vì vậy cần thiết phải tổ chức hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp và có làm tốt điều này mới tạo tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu lợi nhuận.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và yêu cầu quản lý của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.**1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm nguyên vật liệu**

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, một trong những điều kiện cần thiết không thể thiếu được đó là đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hóa.

Theo Các Mác tất cả mọi vật trong thiên nhiên ở xung quanh chúng ta lao động có ích có tác động vào đối tượng lao động. Như vậy, nếu đối tượng

con người tác động vào thì đối tượng lao động đó trở thành nguyên vật liệu. Đồng thời, Các Mác cũng chỉ ra rằng bất cứ nguyên vật liệu nào cũng là đối tượng lao động, nhưng không phải bất cứ đối tượng lao động nào cũng là nguyên vật liệu. Chỉ trong điều kiện đối tượng có thể phục vụ cho quá trình sản xuất hay tái tạo ra sản phẩm và đối tượng đó do lao động tạo ra mới trở thành nguyên vật liệu.

Vậy nguyên vật liệu là đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hóa chỉ tham gia vào chu trình sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị vật liệu được chuyển hết vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng sản phẩm được tạo ra.

- Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Khi tham gia vào sản xuất kinh doanh thì nguyên vật liệu bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn, nó không còn giữ được hình dạng ban đầu.

- Nguyên vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như: Mua ngoài, tự chế biến, nhập vốn liên doanh ... Nhưng chủ yếu là mua ngoài.

- Nguyên liệu thường chiếm tỉ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm doanh nghiệp, nên việc bảo quản nguyên vật liệu phải chặt chẽ kịp thời.

1.1.2.2 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, lợi nhuận đã trở thành mục đích cuối cùng của sản xuất kinh doanh. Mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa chi phí và lợi nhuận ngày càng được quan tâm. Vì thế các doanh nghiệp càng ra sức tìm con đường giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Do vậy với tỷ trọng chiếm khoảng 60- 70% tổng chi phí, nguyên vật liệu cần được quản lý thật tốt. Nếu doanh nghiệp biết sử dụng nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, hợp lý thì sản phẩm làm ra càng có chất lượng tốt mà giá thành lại hạ tạo ra môi trường quan có lợi cho doanh nghiệp trên thị trường. Quản lý nguyên vật liệu càng khoa học thì cơ hội đạt hiệu quả kinh tế càng cao. Với vai trò như vậy nên yêu cầu quản lý nguyên vật liệu cần chặt chẽ trong tất cả các khâu từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản đến khâu sử dụng.

- *Khâu thu mua*: Mỗi loại vật liệu có tính chất lý hóa khác nhau, công dụng khác nhau, mức độ và tỷ lệ tiêu hao khác nhau. Do đó, thu mua phải san cho đủ số lượng, đúng chủng loại, phẩm chất tốt, giá cả hợp lý, chi phí hao hụt trong định mức. Ngoài ra phải đặc biệt quan tâm đến chi phí thu mua, nhằm hạ thấp chi phí vật liệu một cách tối đa.

- *Khâu bảo quản*: Để tránh mất mát, hư hỏng hao hụt, đảm bảo an toàn nguyên vật liệu phải tổ chức kho tàng, bến bãi, thực hiện chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu. Nếu không thực hiện tốt chế độ này sẽ ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng của nguyên vật liệu.

- *Khâu sử dụng*: Cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cần sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức và dự toán chi. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, tăng thu nhập, tích lũy cho doanh nghiệp.

- *Khâu dự trữ*: Đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định mức dự trữ tối thiểu, tối đa để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh bình thường, không bị ngừng trệ, gián đoạn do cung cấp không kịp thời hoặc đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu .

Kế toán là công cụ quản lý kinh tế, vì thế để đáp ứng một khoa học, hợp lý xuất phát từ đặc điểm của nguyên vật liệu, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, chức năng của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp, kế toán cần thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển bảo quản, nhập – xuất – tồn kho vật liệu, tình hình luân chuyển vật tư cả hàng hóa lẫn hiện vật. Tính toán đúng đắn giá vốn và giá thành của vật liệu đã thu mua, nhập và xuất kho của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thu mua vật liệu về các mặt: Số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm cung cấp đảm bảo cung cấp đầy đủ chính xác, kịp thời chủng loại vật liệu và các thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất và yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

- Áp dụng đúng đắn các phương pháp và kỹ thuật hoạch toán tồn kho, mở sổ kế toán chi tiêu để ghi chép phản ánh, phân loại, tổng hợp số liệu... về tình hình hiện có và sự biến động tăng giảm trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp kịp thời số liệu để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Tổ chức đánh giá, phân loại, kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ vào sử dụng vật liệu, tính toán chính xác số lượng giá trị vật liệu cho các đối tượng sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tham gia kiểm kê đánh giá nguyên vật liệu theo đúng chế độ nhà nước quy định, lập các báo cáo về các nguyên vật liệu phục vụ cho công tác quản lý và lãnh đạo, tiến hành phân tích đánh giá vật liệu theo từng khâu nhằm đưa ra đầy đủ các thông tin cần thiết cho quá trình quản lý.

1.1.4 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.

1.1.4.1 Phân loại nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp, nguyên vật liệu rất đa dạng và phong phú, mỗi loại có một vai trò, công dụng và tính năng lý hóa khác nhau. Vì vậy để quản lý vật liệu một cách có hiệu quả, các doanh nghiệp phải tiến hành phân loại vật liệu.

Tùy theo yêu cầu quản lý vật liệu mà từng doanh nghiệp thực hiện theo các cách khác nhau:

➤ Phân loại theo vai trò và công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu

- *Nguyên vật liệu chính*: Là đối tượng là đối tượng chủ yếu cấu thành nên thực thể của sản phẩm.

- *Nguyên liệu phụ*: Là những loại nguyên vật liệu có tác dụng phục vụ trong quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc được sử dụng để đảm bảo cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

- *Nhiên liệu*: là những thứ tiêu dùng cho sản xuất năng lượng như than, dầu mỏ, hơi đốt, nhiên liệu thực chất là vật liệu phụ được tách thành một nhóm riêng do vai trò quan trọng của nó và nhằm mục đích quản lý và hoạch toán thuận tiện hơn.

- *Phụ tùng thay thế*: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất.

- *Thiết bị và vật liệu xây dựng cơ bản*: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ, và vật kết cấu dùng để lắp đặt công trình xây dựng cơ bản.

- *Vật liệu khác*: Bao gồm những loại vật liệu chưa được sắp xếp vào các loại trên, những phế liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc thu hồi từ thanh lý tài sản .

➤ **Phân loại theo nguồn hình thành**

- *Nguyên vật liệu mua ngoài*: Là loại nguyên vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

- *Nguyên vật liệu tự chế biến, thuê gia công*: Là nguyên vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

- *Nguyên vật liệu hình thành từ nguồn khác*: Nguyên vật liệu nhận tặng thưởng, nhận viện trợ của các tổ chức, cá nhân, phế liệu thu hồi từ tài sản cố định thanh lý ...

➤ **Phân loại theo mục đích sử dụng**

- *Nguyên liệu sử dụng cho mục đích sản xuất*: Là nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ cho quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm.

- *Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích khác*: Như nguyên vật sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp, nguyên vật liệu đem góp vốn liên doanh, liên kết, nguyên vật liệu đem quyên tặng ...

1.1.4.2 Tính giá nguyên vật liệu .

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hoạch toán nguyên liệu. Tính giá thành nguyên vật liệu là công việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những quy tắc nhất định. Hạch toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp, nguyên vật liệu được tính theo giá trị thực tế.

Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu: Áp dụng Điều 04 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số

149/2001/QĐ- BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài Chính: “Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được”. Trong đó:

- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện có.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán NVL ở các doanh nghiệp, NVL được tính theo giá thực tế.

➤ **Tính giá nguyên vật liệu nhập kho**

Tính giá của nguyên vật liệu nhập kho tuân thủ theo nguyên tắc giá gốc. Nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của vật liệu nhập kho được xác định khác nhau.

▲ Đối với vật liệu mua ngoài

Giá thực tế nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí mua thực tế (Chi phí vận chuyển bốc xếp)	+	Các khoản thuế không được hoàn lại	-	Các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có)
----------------------	---	--------------------------	---	--	---	------------------------------------	---	---

Trong đó giá mua ghi trên hóa đơn được xác định như sau:

- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là giá trị thực tế chưa bao gồm thuế GTGT đầu vào.
- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị nguyên liệu mua vào là tổng giá trị thanh toán phải trả cho người bán (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào) .

- Các khoản thuế không được hoàn lại: Như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu ,...

▲ Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL thuê} \\ \text{ngoài gccb} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL xuất thuê} \\ \text{ngoài gccb} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thuê} \\ \text{ngoài gccb} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

▲ Đối với vật liệu tự chế:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL tự chế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{sản xuất VL} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

▲ Đối với vật liệu được cấp:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL được cấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá theo} \\ \text{biên bản} \\ \text{giao nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

▲ Đối với vật liệu nhận vốn góp liên doanh:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL} \\ \text{nhận góp vốn} \\ \text{liên doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị vốn góp} \\ \text{do hđld đánh giá} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

▲ Đối với vật liệu được biếu tặng, viện trợ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của VL} \\ \text{được biếu tặng, viện trợ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thị trường} \\ \text{tại thời điểm nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

▲ Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{phế liệu thu hồi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá có thể sử dụng lại} \\ \text{hoặc giá có thể bán} \end{array}$$

➤ **Tính giá nguyên vật liệu xuất kho**

Việc lựa chọn phương pháp tính giá trị thực tế nguyên vật liệu xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập – xuất nguyên vật liệu, trình độ nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp, theo điều 13 chuẩn mực số 02 có 4 phương pháp tính giá xuất kho:

- Phương pháp giá thực tế đích danh.
- Phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp nhập sau xuất trước.

*** Phương pháp giá thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này , vật tư xuất thuộc lô nào theo giá trị nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc một hành ổn định được nhận diện.

Ưu điểm: Xác định được chính xác giá vật tư xuất ra , làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại .

Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ phức tạp.

*** Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này, trị giá xuất của vật liệu bằng số lượng vật liệu xuất nhân với đơn giá bình quân. Đơn giá bình quân có thể xác định theo 1 trong 2 phương pháp sau:

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật tư nhập trong kỳ}}{\text{S.Lượng VT tồn đầu kỳ} + \text{S. Lượng VT nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư và số lần nhập, xuất của mỗi doanh nhiều .

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng doanh điểm vật tư.

Nhược điểm: Dồn công việc tính giá nguyên liệu xuất kho vào kỳ cuối hạch toán nên ảnh hưởng tiến độ của các khâu kế toán khác.

- *Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập)*

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập VL, kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và số lượng VL xuất để tính giá thành VL xuất.

$$\frac{\text{Đơn giá BQ}}{\text{sau lần nhập n}} = \frac{\text{Trị giá VT tồn trước lần nhập n} + \text{Trị giá VT nhập lần n}}{\text{S.lượng VT tồn trước lần nhập n} + \text{S. Lượng VT nhập lần n}}$$

Phương pháp này nên áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư và số lần nhập của mỗi loại không nhiều .

Ưu điểm: Phương pháp này cho giá VL xuất kho chính xác, phản ánh kịp thời sự biến động của giá cả, công việc tính giá được tính toán đều đặn.

Nhược điểm: Công việc tính toán nhiều và phức tạp, chỉ thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng kế toán máy

*** Phương pháp Nhập trước Xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này được thực hiện như sau: Lô hàng nguyên vật liệu nào được nhập kho trước sẽ được dùng trước. Hàng tồn kho cuối kì là hàng mới nhất. Do vậy, giá hàng xuất dùng được tính hết theo giá thực tế của lần nhập trước, xong mới đến lần nhập sau. Nếu giá cả có xu thế tăng lên thì giá tồn kho cao, hàng xuất thấp, chi phí kinh doanh giảm, lợi nhuận tăng và ngược lại.

Ưu điểm: Cho phép kế toán có thể tính toán giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời. Phương pháp này cho ước tính hợp lý về giá trị nguyên vật liệu cuối kỳ.

Nhược điểm: Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do chi phí nguyên vật liệu nói riêng và hàng tồn kho nói chung từ kho trước. Như vậy chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả nguyên vật liệu.

*** Phương pháp Nhập sau – Xuất trước (LIFO)**

Phương pháp nhập sau – xuất trước áp dụng dựa vào giả định là nguyên vật liệu được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và nguyên vật liệu còn lại cuối kì là nguyên liệu được mua hoặc sản xuất trước đó.

Theo phương pháp này thì giá trị nguyên vật liệu xuất kho được tính bằng giá trị của lô nguyên vật liệu nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của nguyên vật liệu tồn kho được tính theo giá trị của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc đầu kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này cũng được áp dụng đối với doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ giảm phát.

Ưu điểm: Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu. Làm cho thông tin thu nhập và chi phí của doanh nghiệp có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu thế giảm, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

Nhược điểm: Phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.2.1 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng thiết bị nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản lý từng danh điểm vật tư.

Trong thực tế công tác kế toán hiện nay ở nước ta nói chung và các doanh nghiệp công nghiệp nói riêng đang áp dụng trong ba phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu sau: Phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ số dư.

1.2.1.1 Phương pháp thẻ song song

- *Tại kho:* Thủ kho sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng.

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập - xuất vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi sổ số thực nhập, thực xuất vào “Thẻ kho” trên cơ sở các chứng từ đó (mở theo từng danh điểm trong từng kho).

Cuối tháng, thủ kho tính ra tổng số nhập - xuất và số tồn cuối kỳ của từng loại vật liệu trên “Thẻ kho” và đối chiếu số liệu với “Sổ kế toán chi tiết vật liệu”.

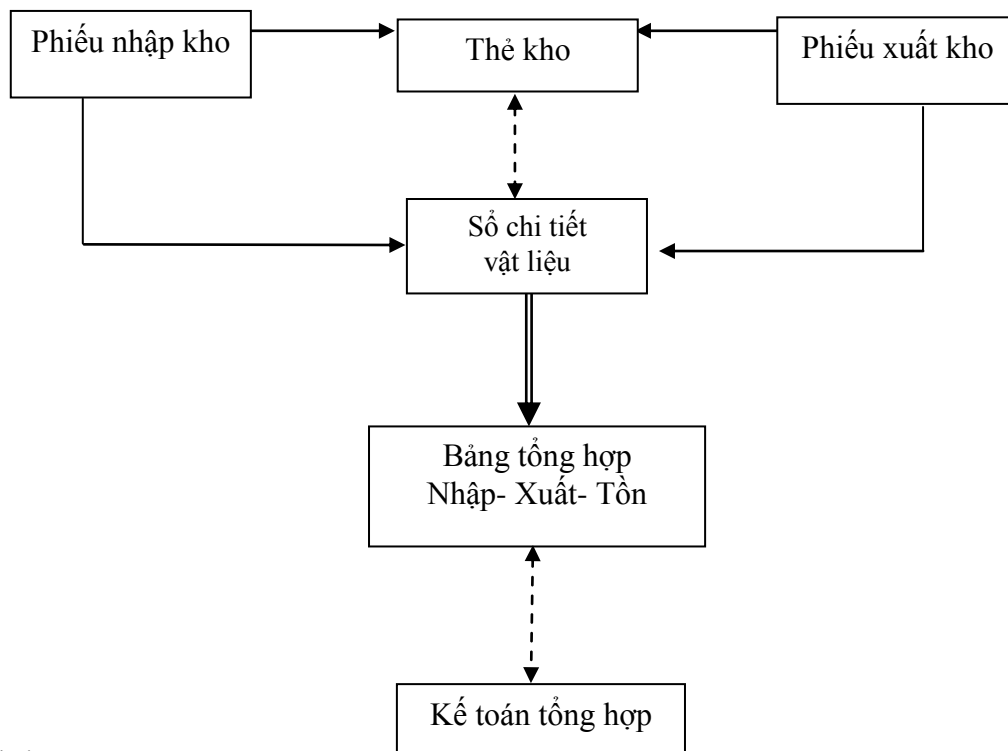
- *Tại phòng kế toán:* Kế toán mở “Sổ kế toán chi tiết vật liệu” ghi chép sự biến động nhập - xuất - tồn của từng loại vật liệu cả về hiện vật và giá trị.

Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận được các chứng từ nhập - xuất kho vật liệu do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ và vào sổ chi tiết vật liệu.

Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên “Sổ kế toán chi tiết vật liệu” với “Thẻ kho” tương ứng. Căn cứ vào “Sổ kế toán chi tiết vật liệu” kế toán lấy số liệu để ghi vào “Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu”.

Có thể khái quát trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra -.->

Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu.

Nhược điểm: Việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán còn trùng lặp các chỉ tiêu về số lượng. Ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu các yếu tố tiến hành vào cuối tháng.

Phạm vi áp dụng: Thích hợp với các doanh nghiệp ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập, xuất.

1.2.1.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển .

Đối với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu và số lượng chứng từ nhập xuất không nhiều thì phương pháp thích hợp là phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- *Tại kho:* Thủ kho sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng.

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập - xuất vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi sổ số thực nhập, thực xuất vào “Thẻ kho” trên cơ sở các chứng từ đó (mở theo từng danh điểm trong từng kho).

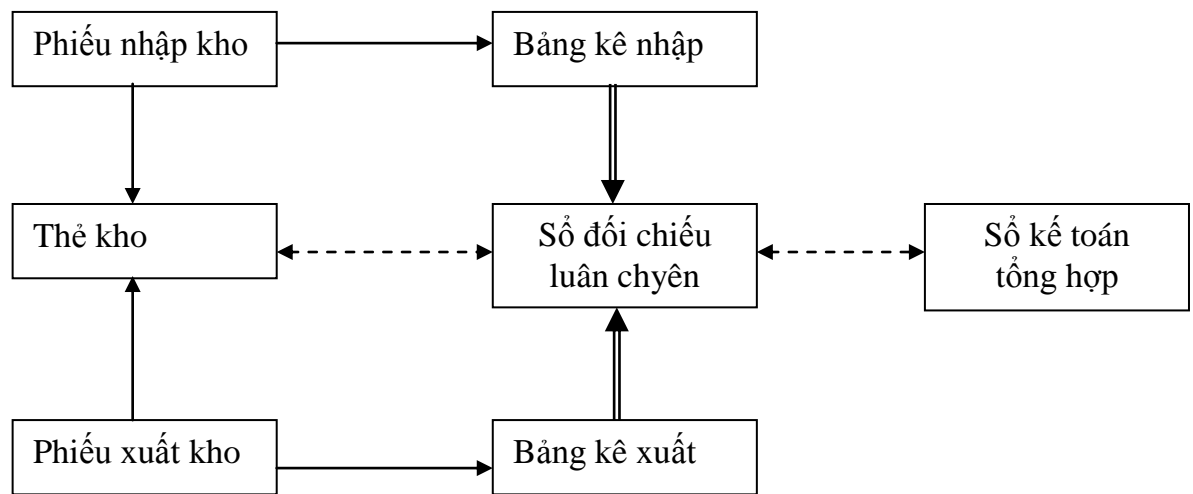
Cuối tháng, thủ kho tính ra tổng số nhập - xuất - tồn cuối kỳ của từng loại vật liệu trên “Thẻ kho” và đối chiếu số liệu với kế toán chi tiết vật tư.

- *Tại phòng kế toán:* Kế toán mở “Sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu” theo từng kho.

Cuối tháng trên cơ sở phân loại chứng từ nhập - xuất nguyên vật liệu theo từng danh điểm và theo từng kho, kế toán lập “Bảng kê nhập vật liệu”, “Bảng kê xuất vật liệu” và dựa vào bảng kê này để ghi vào “Sổ luân chuyển nguyên vật liệu”.

Khi nhận được “Thẻ kho”, kế toán tiến hành đối chiếu tổng lượng nhập – xuất của từng thẻ kho với “Sổ luân chuyển nguyên vật liệu”. Đồng thời từ “Sổ luân chuyển nguyên vật liệu” lập “Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho vật liệu” để đối chiếu với số liệu trong “Sổ kế toán tổng hợp vật liệu”.

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển .



Ghi chú :

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════=>

Quan hệ đối chiếu , kiểm tra <----->

Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Phương pháp này vẫn còn ghi sổ trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu, số lượng, việc kiểm tra, đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

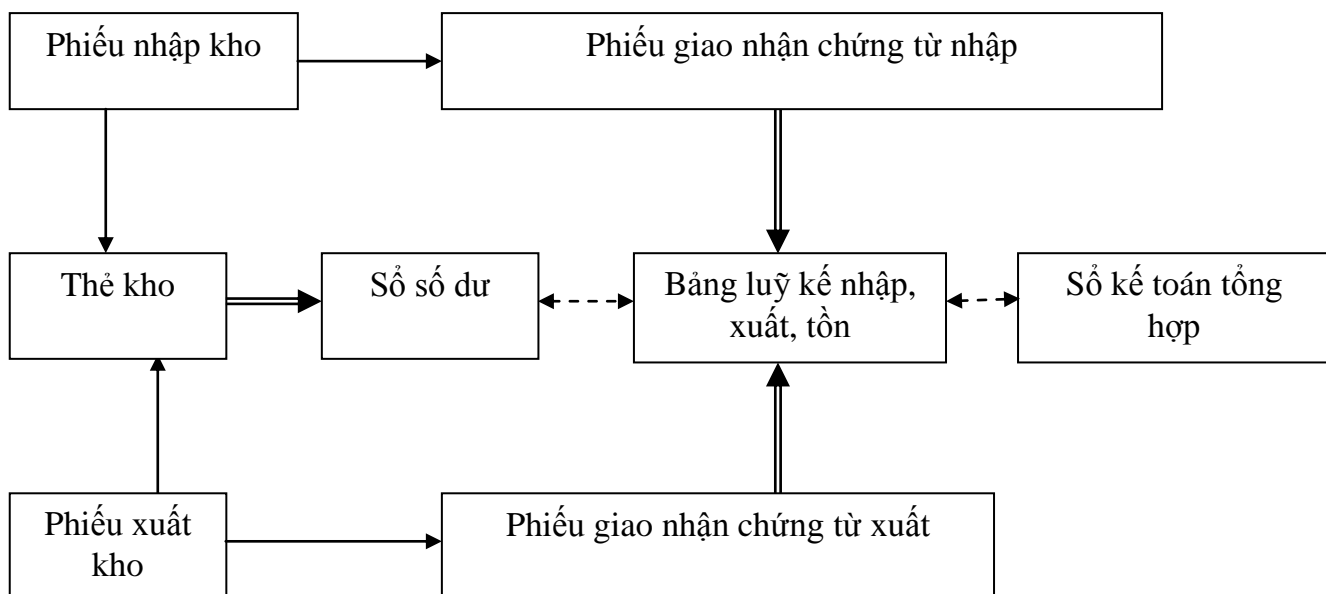
Phạm vi áp dụng: Thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại NVL ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi điều kiện tình hình nhập xuất hàng ngày, phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

1.2.1.3 Phương pháp sổ số dư.

- *Tại kho:* Thủ kho vẫn sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn. Ngoài ra cuối tháng, thủ kho còn phải ghi số lượng tồn kho trên “Thẻ kho” vào “Sổ số dư”.

- *Tại phòng kế toán:* Định kỳ 5 đến 10 ngày, kế toán nhận chứng từ do thủ kho chuyển đến (kèm theo “Phiếu giao nhận chứng từ”). Căn cứ vào đó, kế toán lập “Bảng lũy kế nhập xuất tồn” (bảng này được mở theo từng kho). Cuối kỳ tiến hành tính tiền trên “Sổ số dư” do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho từng danh điểm nguyên vật liệu trên “Sổ số dư” với tồn kho trên “Bảng lũy kế nhập - xuất - tồn”. Từ “Bảng lũy kế nhập - xuất - tồn”, kế toán lập “Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn vật liệu” để đối chiếu với “Sổ kế toán tổng hợp về vật liệu”.

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.



Ghi chú: —→ : Ghi hàng ngày
 ==> : Ghi cuối tháng
 <-.-> : Đối chiếu, kiểm tra

Ưu điểm: Hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán kịp thời, chính xác.

Nhược điểm: Khi thực hiện phương pháp này sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hoạch toán nguyên vật liệu nhập - xuất -tồn.

1.2.2 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Để áp dụng yêu cầu của quản trị doanh nghiệp, kế toán nguyên vật liệu phải tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở chứng từ theo chế độ kế toán quy định được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC 20/03/2006 của BTC. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu là sự ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành, nguyên vật liệu thuộc hàng tồn kho. Do đó tình hình hiện có và tình hình biến động của chúng phụ thuộc vào doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ.

1.2.2.1 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên .

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, sự biến động tăng giảm về nguyên vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên các tài khoản kế toán nguyên vật liệu được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm nguyên vật liệu. Vì vậy giá trị nguyên vật liệu trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, nguyên vật liệu so sánh và đối chiếu với số liệu nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp,...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có chất lượng cao.

* *Ưu điểm*: Phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật, theo phương pháp này tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho.

* *Nhược điểm*: Phương pháp này tốn nhiều công tính toán.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Phiếu đề nghị xuất vật tư
- Vv.....

➤ **Tài khoản sử dụng**

• Tài khoản 152 - “**Nguyên liệu, vật liệu**”: Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 152

Bên Nợ: - Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn liên doanh, được cấp hoặc nhập từ nguồn khác.

- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên Có: - Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất, xuất bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.

- Trị giá nguyên vật liệu được giảm giá, chiết khấu thương mại hoặc trả lại người bán.

- Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.

Dư Nợ: Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho.

• Tài khoản 151 - “**Hàng mua đi đường**”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của loại hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sử dụng của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 151

Bên Nợ: Phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa đang đi trên đường.

Bên Có: Phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư đã nhập kho hoặc đã giao thẳng cho khách hàng.

Số dư Nợ: Phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đi trên đường.

Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên còn sử dụng 1 số tài khoản liên quan khác như:

TK 111 – Tiền mặt.

TK 112 – Tiền gửi ngân hàng.

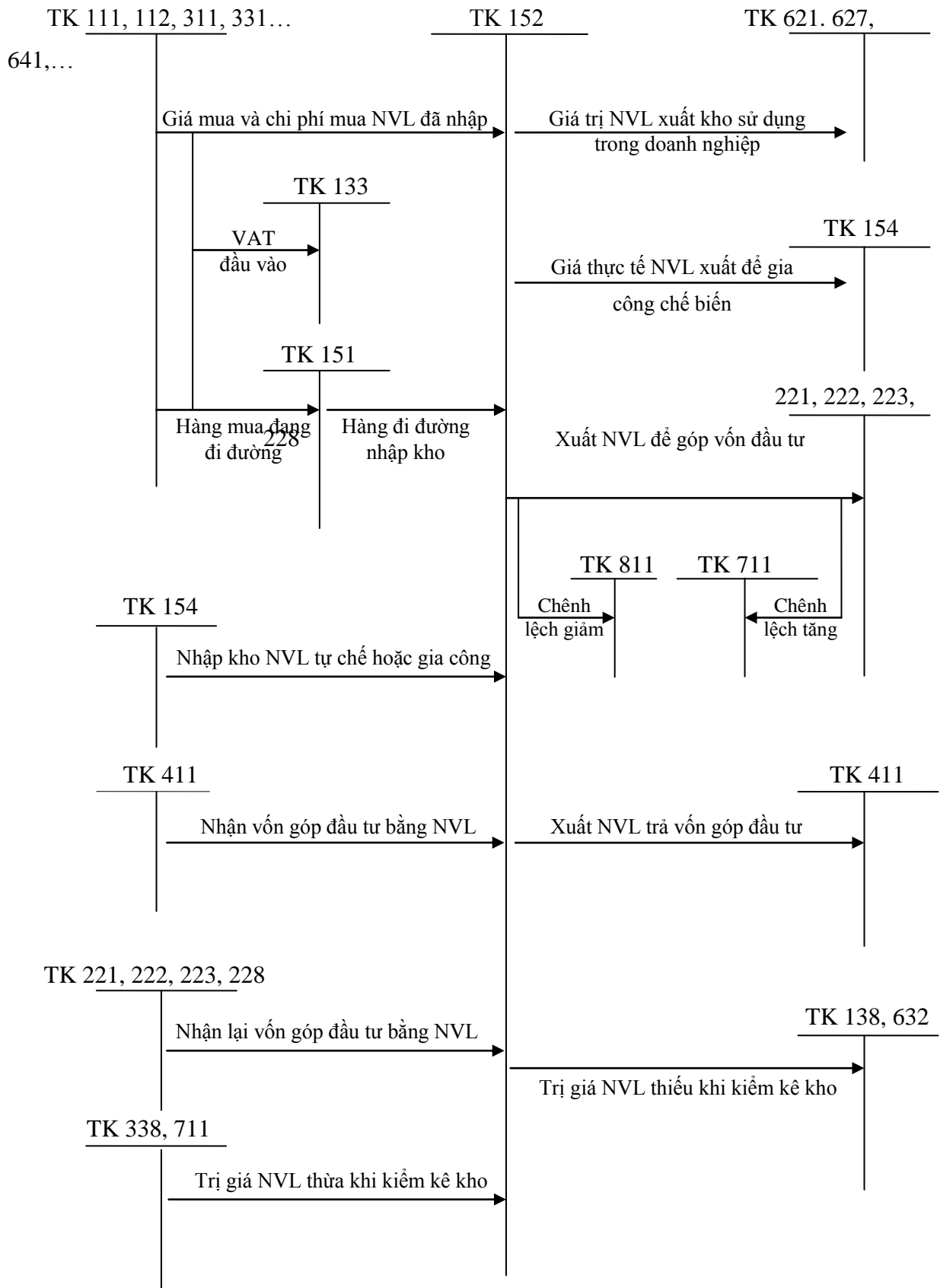
TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ.

TK 331 – Phải trả người bán.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán Nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 04: Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.



1.2.2.2 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ không phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập – xuất NVL trên TK 152. Các TK này chỉ phản ánh giá trị nguyên vật liệu trong kho ở đầu kỳ và cuối kỳ. Việc nhập – xuất nguyên vật liệu hàng ngày được phản ánh ở TK 611- “ Mua hàng”. Cuối kỳ kiểm kê nguyên vật liệu sử dụng phương pháp cân đối để tính giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá vật} & & \text{Trị giá vật} & & \text{Trị giá vật} & & \text{Trị giá vật} \\ \text{tur xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập trong kỳ} & - & \text{tồn kho cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư hàng hóa (nhập – xuất – tồn) không theo dõi phản ánh trên các TK kế toán hàng tồn kho. Giá trị của nguyên vật liệu mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một TK kế toán riêng (Tài khoản 611 - “ Mua hàng”).

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị nguyên vật liệu tồn kho thực tế, trị giá nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ (tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của TK 611 - “Mua hàng”.

Như vậy khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, tài khoản kế toán phản ánh nguyên vật liệu chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Phiếu đề nghị xuất vật tư
- Vv...

➤ **Tài khoản sử dụng**

Đề ghi chép vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng TK 611 - “ Mua hàng”, TK 151 -“ Hàng đang đi đường”, TK152 -“ Nguyên liệu, vật liệu”...

• **Kết cấu TK 611 - “ Mua hàng”:**

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê);

- Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ; hàng hoá đã bán bị trả lại, . . .

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê);

- Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (Chưa được xác định là đã bán trong kỳ);

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 611 - Mua hàng, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 6111 - Mua nguyên liệu, vật liệu:* Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào và xuất sử dụng trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ kế toán.

- *Tài khoản 6112 - Mua hàng hoá:* Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hàng hoá mua vào và xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị hàng hoá tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.

- TK TK152 - “ Nguyên liệu, vật liệu”: Dùng để phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết cho từng loại.

Bên Nợ: Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Bên Có: Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Số dư bên nợ: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

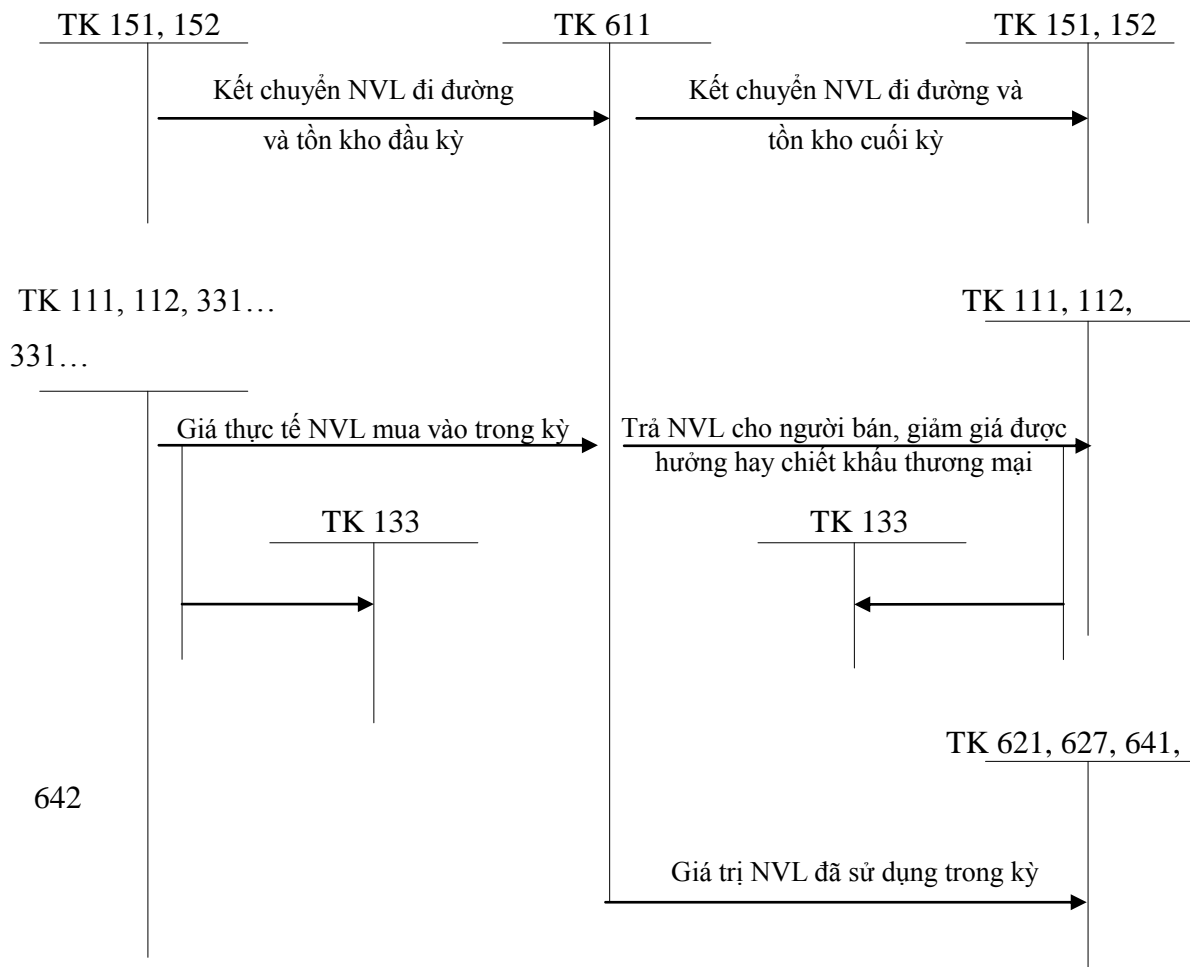
- TK 151 - “ Hàng mua đang đi đường”

Bên Nợ: Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi trên đường cuối kỳ.

Bên Có: Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua dùng còn đang đi đường(chưa về nhập kho đơn vị).

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán kế toán còn sử dụng một số TK khác liên quan như: 133, 331,111, 112...

Sơ đồ 05: Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

➤ *Nguyên tắc hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.*

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu thập tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc, nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

➤ *Cách xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Theo quy định hiện hành của chế độ kế toán tài chính thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính.

Giá trị thực hiện thuần túy = Giá gốc của - Dự phòng giảm giá

của hàng tồn kho

hàng tồn kho

hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá được lập cho các loại nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, các loại vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho để bán mà giá trên thị trường thấp hơn thực tế đang ghi sổ kế toán. Những loại vật tư, hàng hóa này là mặt hàng kinh doanh, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng cứ hợp lý, chứng minh giá vốn vật tư, hàng tồn kho. Công thức xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

$$\text{Mức dự phòng cần lập năm tới cho hàng tồn kho} = \frac{\text{Số lượng hàng tồn kho cuối niên độ}}{\text{Mức giảm giá của hàng tồn kho}}$$

➤ **Tài khoản sử dụng**

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 - “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có bằng chứng đáng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

- Kết cấu của TK 159 như sau:

Bên Nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng trong kỳ.

Số dư cuối bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn hiện có cuối kỳ.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

1.4 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 5 hình thức kế toán sau:

- **Hình thức kế toán Nhật ký chung.**
- **Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.**
- **Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.**
- **Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.**
- **Hình thức kế toán Máy.**

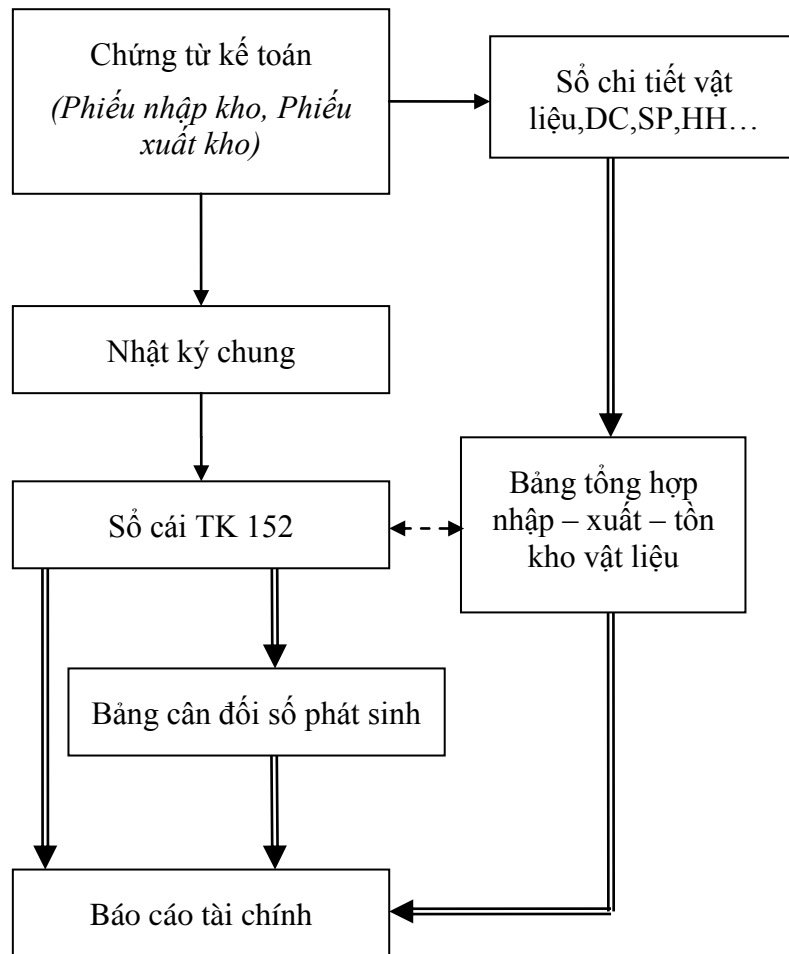
Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là SỔ NHẬT KÝ CHUNG theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các Sổ nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 1.6: Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

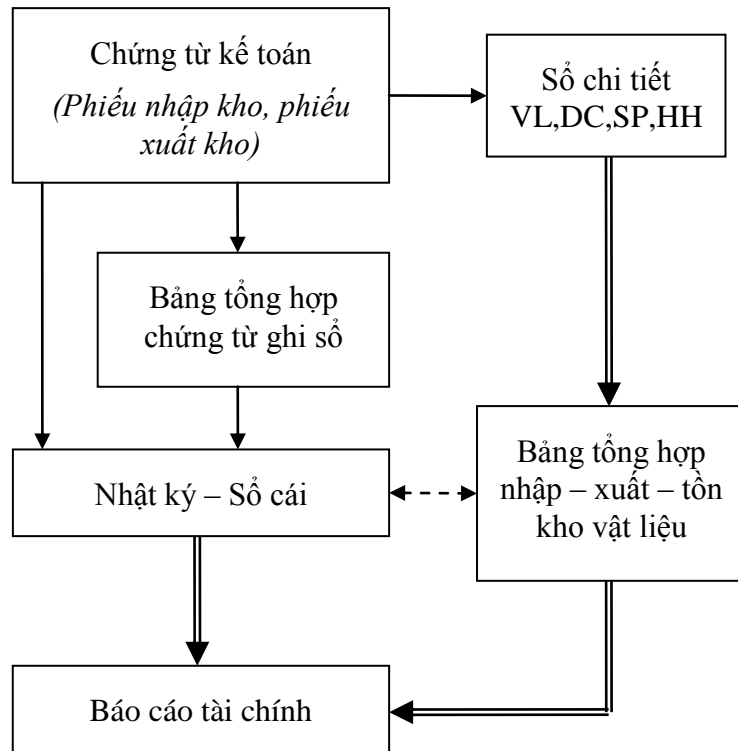
Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Sơ đồ 1.7: Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký - Sổ cái



Ghi chú: \longrightarrow : Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow : Ghi định kỳ
 $\leftarrow\text{---}\rightarrow$: Đối chiếu, kiểm tra

1.4.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

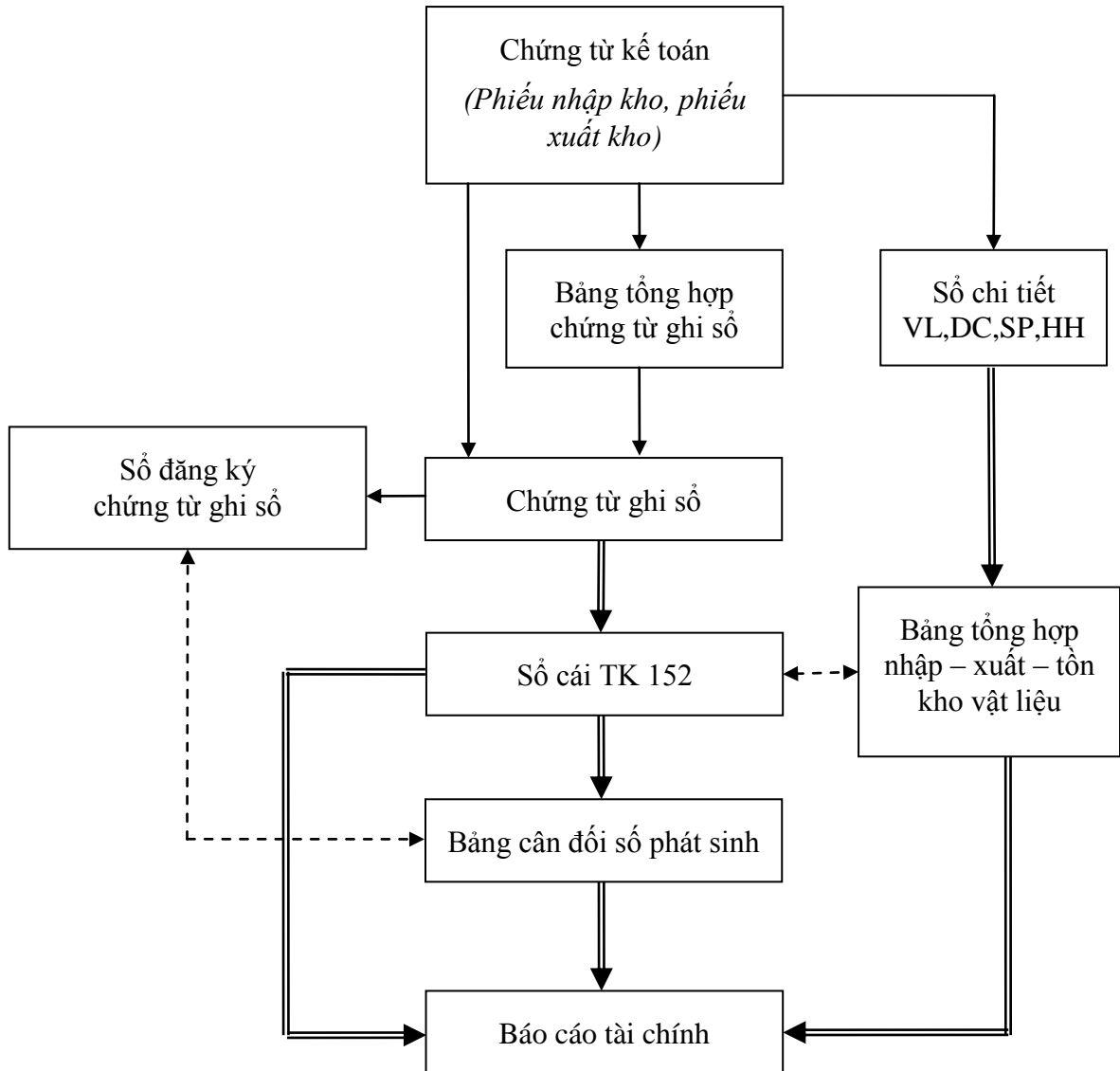
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.8: Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú: \longrightarrow : Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow : Ghi định kỳ
 \longleftrightarrow : Đối chiếu, kiểm tra

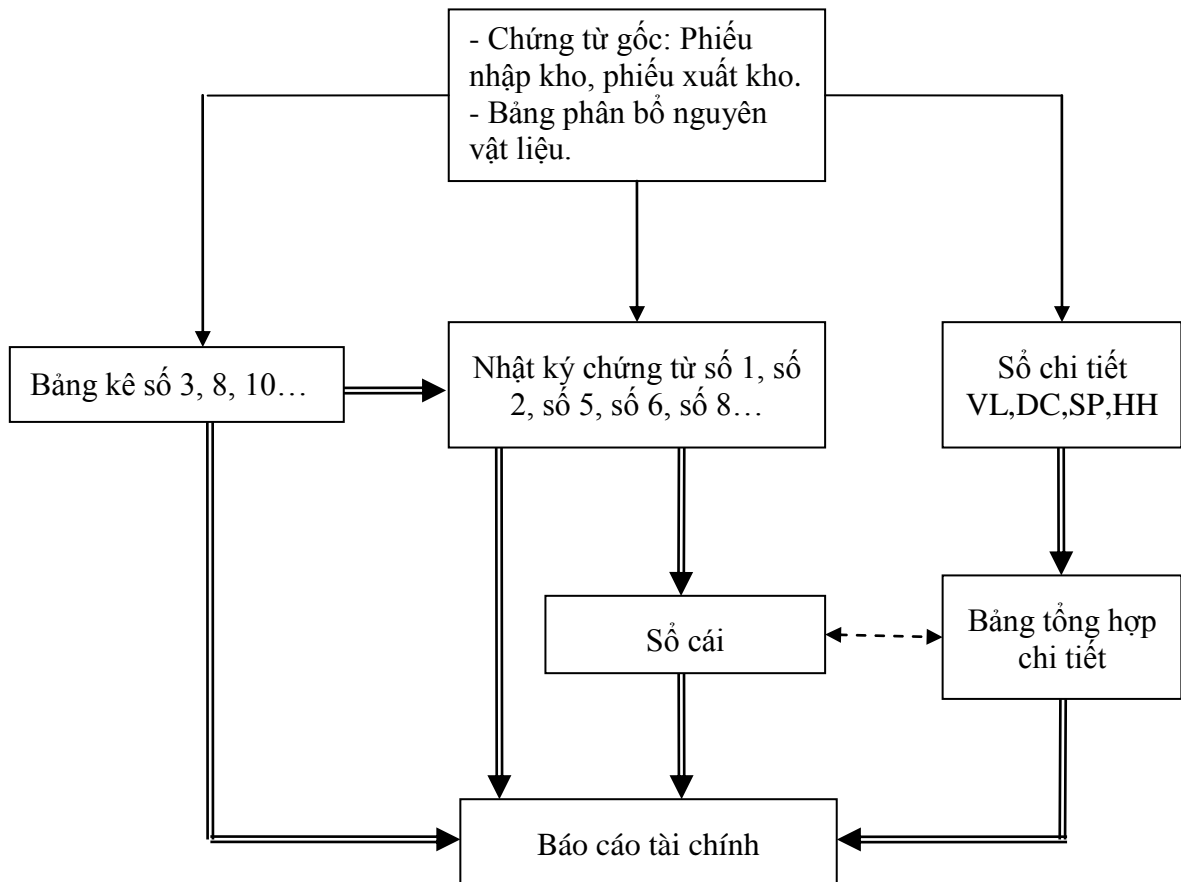
1.4.4 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo **Bên có** của tài khoản, kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng **Bên nợ**.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (Tài khoản kế toán).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sơ đồ 1.9: Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chứng từ



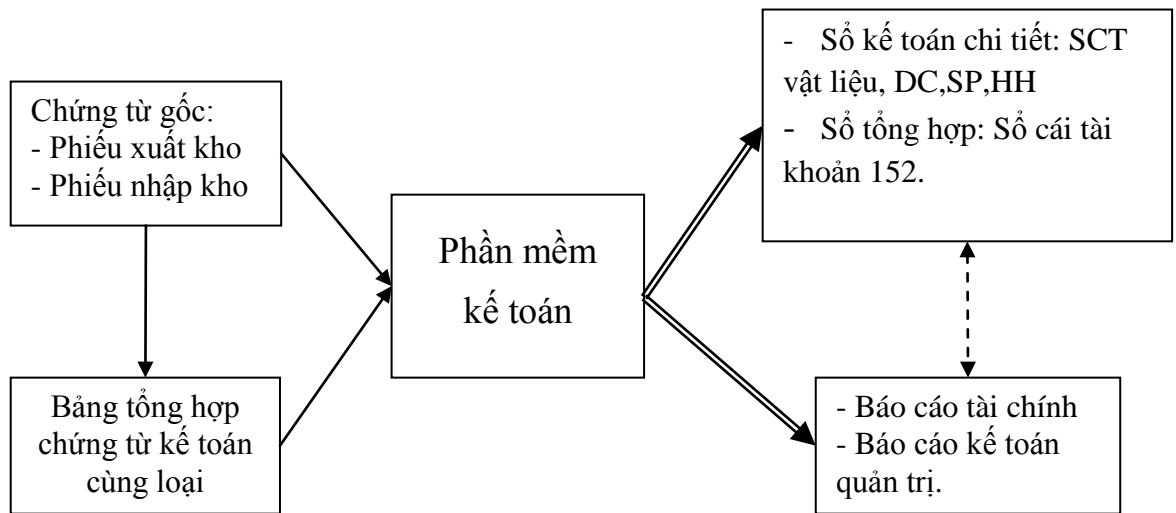
- Ghi chú:**
- > : Ghi hàng ngày
 - ====> : Ghi định kỳ
 - ←----> : Đối chiếu, kiểm tra

1.4.5 Hình thức kế toán Máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định.

Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.10: Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức kế toán Máy



Ghi chú: \longrightarrow : Nhập số liệu hàng ngày
 \Longrightarrow : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 \longleftrightarrow : Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG II
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần VILACO.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần VILACO.

Công ty được thành lập tháng 12 năm 2003 theo quyết định của ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Đăng ký kinh doanh số 0203000653 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp. Vốn hoạt động do nhiều thành viên góp trong đó 80% của công ty TNHH VICO- nhà sản xuất bột giặt và chất tẩy hàng đầu tại Việt Nam.

Lịch sử hình thành của công ty cổ phần VILACO gắn liền với quá trình phát triển và cạnh tranh chia sẻ thị phần với các nhãn hiệu hóa mỹ phẩm nổi tiếng của công ty VICO.

Kể từ khi Đảng và Nhà nước chủ trương thực hiện chính sách mở cửa, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể. Với hơn 80 triệu dân, thị trường Việt Nam là một trong những thị trường giàu tiềm năng cho các ngành công nghiệp nói chung và ngành hóa mỹ phẩm nói riêng phát triển. Chính điều này đã tạo ra cuộc cạnh tranh khốc liệt trong ngành giữa các tập đoàn nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước. Kết quả là chỉ sau 5 năm cạnh tranh, hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam đã buộc phải chấp nhận gia công thuê hoặc chuyển hướng kinh doanh hoặc chấp nhận phá sản. Đến năm 2000 công ty VILACO là một trong số ít ỏi các công ty trong ngành hóa mỹ phẩm tồn tại với đúng ngành nghề đã đăng ký.

Sau 4 năm tham gia thị trường (2001- 2004), thương hiệu VICO đã trở thành nhãn hiệu mạnh, có uy tín và độ tin cậy cao tại Việt Nam.

Tiếp bước thành công của Vico là sự thành công của công ty cổ phần VILACO vào năm 2003 khi mà Vico chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của thị trường.

Công ty cổ phần VILACO là một trong những công ty thành viên của công ty TNHH VICO được thành lập vào tháng 12 năm 2003

Ngay từ khi mới thành lập, công ty cổ phần VILACO đã hoạch định chiến lược phát triển 10 năm (2003- 2013) của mình theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (2003- 2008): khẳng định sự tồn tại của doanh nghiệp, đưa sản phẩm tiêu thụ trên thị trường miền Bắc, miền Trung, miền Nam và thị trường nước ngoài của một số nước đang phát triển.
- Giai đoạn 2(2008- 2013): đưa sản phẩm tiêu thụ trên toàn lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu rộng sang thị trường quốc tế.

Trong giai đoạn 1 VILACO tập trung cho việc xây dựng chất lượng sản phẩm, kênh phân phối, giá bán phù hợp với mặt bằng của thị trường. VILACO cho tới nay đã phát triển được hơn 7 năm, đã đạt được những kết quả nhất định theo chiến lược phân phối giai đoạn 1 và bước sang giai đoạn 2. Cụ thể sản phẩm hóa mỹ phẩm của công ty VILACO đã được giải thưởng có uy tín của các tổ chức hội chợ trong nước và người tiêu dùng bình chọn, sản phẩm của VILACO đã được xuất khẩu sang I rắc, Đài Loan, Trung Quốc, Lào...

Trong giai đoạn 2, VILACO sẽ phát triển đa dạng hóa các sản phẩm mỹ phẩm theo các giới tính khác nhau, đối tượng khách hàng ở các vùng miền, quốc gia khác nhau.

Về tình hình hoạt động kinh doanh: hàng năm công ty cổ phần VILACO đều đặt ra kế hoạch hoạt động và lấy đó làm cơ sở để cố gắng hoàn thành kế hoạch.

Một số tin chính về công ty:

Tên công ty : Công ty cổ phần VILACO

Tên viết tắt : VILACO

Địa chỉ : 75B- KCN- An Đồng- An Dương- Hải Phòng

Điện thoại : 031.3570723

Fax : 031.3570726

Mã số thuế :0200574869 tại ngân hàng Ngô Quyền – Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mộng Lân – Giám đốc.

Công ty được thành lập tháng 12 năm 2003 theo quyết định của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hải Phòng. Đăng ký kinh doanh số 0203000653 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp. Vốn hoạt động do nhiều thành viên góp trong đó 80% của công ty TNHH VICO- nhà sản xuất bột giặt và chất tẩy hàng đầu tại Việt Nam.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần VILACO.

2.1.2.1 Ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Công ty cổ phần VILACO chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sau:

- Sản xuất - kinh doanh chất tẩy rửa và hóa mỹ phẩm
- Dịch vụ xuất nhập khẩu
- Kinh doanh NVL, hóa chất thông thường và thành phẩm
- Sản xuất - kinh doanh nước tinh lọc, nước giải khát.

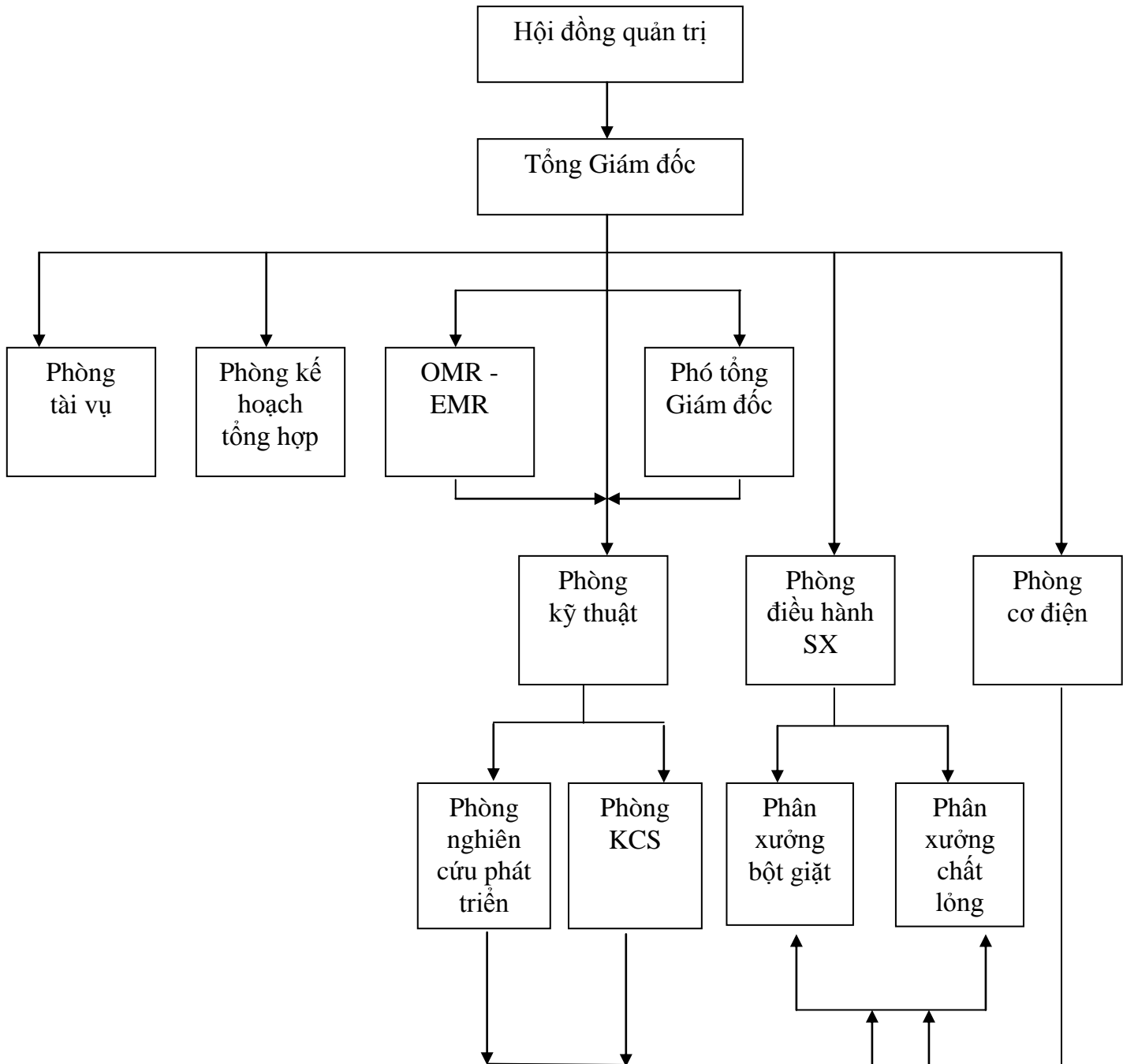
2.1.2.2 Quy trình công nghệ

Quy trình công nghệ SX SP của công ty được tổ chức theo mô hình liên tục và khép kín từ đầu cho đến khâu cuối cùng. Kế thừa những thành tựu cũng như uy tín từ cổ đông sáng lập lớn nhất là công ty TNHH VICO – một thương hiệu nổi tiếng trên thị trường bột giặt và chất tẩy rửa Việt Nam, công ty cổ phần VILACO đã không ngừng nâng cao quy trình công nghệ SX nhằm nâng cao năng suất lao động đồng thời tạo ra những SP chất lượng phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Với quan điểm hợp tác với mọi thành phần kinh tế, Công ty cổ phần VILACO luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các đối tác khác khi giao dịch kinh doanh với công ty. Nhằm kế thừa phát huy thành tựu, uy tín hiện có của cổ đông sáng lập (Công ty VICO), Công ty quyết định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 để tiếp tục tự hoàn thiện mình, nâng cao khả năng thỏa mãn khách hàng.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần VILACO

Để đảm bảo các vị trí làm việc, các phòng ban nhận thức rõ công việc và quyền hạn của mình trong cơ cấu tổ chức của hệ thống chất lượng, công ty đã chủ động phân rõ trách nhiệm giữa các bộ phận, phòng ban theo một cơ cấu, tổ chức hợp lý và khoa học. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp công ty cổ phần VILACO được tổ chức và hoạt động theo luật DN các luật khác có liên quan và điều lệ công ty được đại hội cổ đông nhất trí thông qua. Cơ cấu tổ chức của công ty hiện tại gồm:

Sơ đồ 06: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý Công ty cổ phần VILACO



Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

- **Giám đốc:** Đại diện công ty trước pháp luật, xác định chính sách và mục tiêu chất lượng, phê duyệt sổ tay chất lượng, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, quyết định cuối cùng- toàn bộ hoạt động của công ty.

- **R- EMQMR:** Thiết lập, tổ chức và duy trì các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng, báo cáo định kỳ cho giám đốc công ty về hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, quan hệ giao dịch với bên ngoài về các vấn đề có liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng.

- **Phó giám đốc phụ trách chung kiêm - TP tổng hợp:** Kiểm duyệt về tài chính, công tác tổ chức nhân sự, công tác hành chính sự nghiệp, phối hợp với phòng QLCL tăng cường kiểm duyệt chặt chẽ các khâu kiểm tra của KCS, đồng thời là người lập kế hoạch sản xuất và kế hoạch cung ứng vật tư và NVL.

- **Trưởng phòng kỹ thuật- KCS:** Xây dựng các quy trình, quy phạm. Kỹ thuật, công nghệ SX, thử nghiệm, kiểm tra, phân tích, xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật NL-SP, kiểm tra, thử nghiệm chất lượng NL, thành phẩm.

- **Trưởng phòng điều hành sản xuất:** Thực hiện kế hoạch sản xuất của toàn bộ công ty, kiểm tra chất lượng NVL và sản phẩm trong quá trình SX theo yêu cầu kỹ thuật quy định, quản lý, chăm sóc toàn bộ hệ thống thiết bị SX, liên tục nghiên cứu cải tiến quy trình, dụng cụ, thiết bị nhằm hoàn thiện dây chuyền SX, đảm bảo chất lượng, tăng NSLĐ, chịu trách nhiệm về việc thực hiện vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường.

- **Trưởng phòng tài vụ:** Quyết toán quá trình SX- KD theo quy định nhà nước vào ngày 09 của tháng kế tiếp, kiểm soát thu chi và các hoạt động mua bán phục vụ SXKD, kiểm soát thanh toán khách hàng và nội bộ, đề xuất, yêu cầu các biện pháp quản lý, điều tiết tài chính công ty.

- **Phòng kế hoạch tổng hợp:** Lập kế hoạch SX, theo dõi các mã hàng, làm các thủ tục xuất hàng, vận chuyển hàng hóa, quản lý các kho của công ty.

- **Phân xưởng sản xuất:** Quản lý nghiêm ngặt quá trình SX, đảm bảo chất lượng mẫu mã SP, đồng thời hợp lý hóa quy trình công nghệ để nâng cao NSLĐ, tiết kiệm chi phí đem lại hiệu quả kinh tế cao cho công ty.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần VILACO

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.

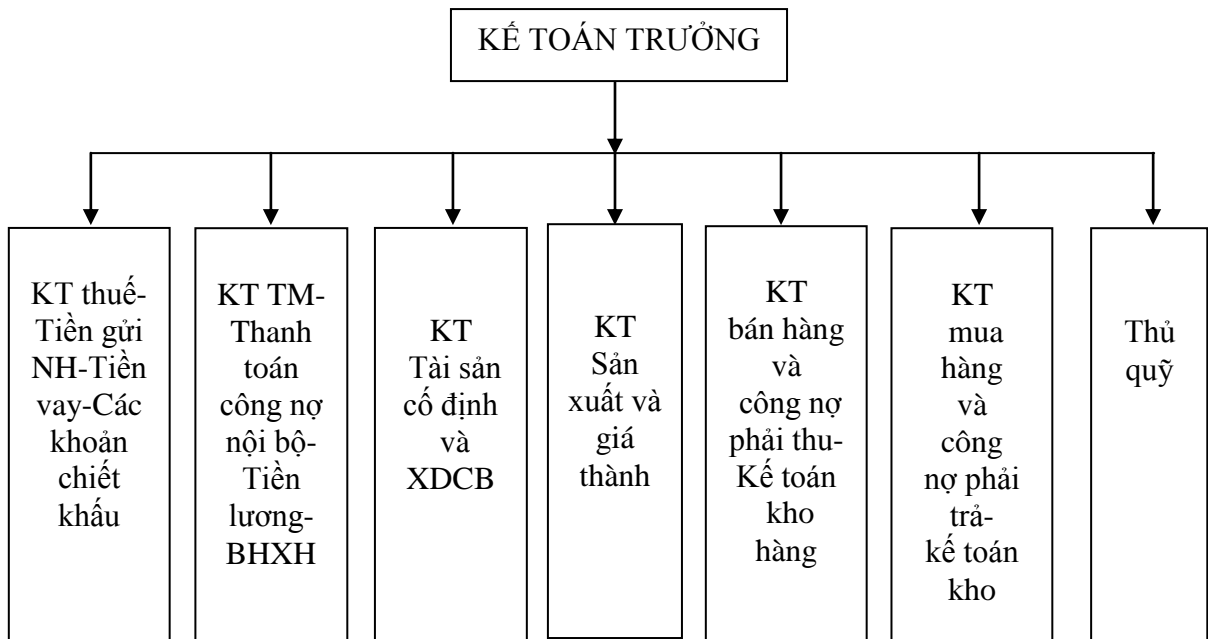
Việc tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ hạch toán kế toán trong DN do bộ máy kế toán đảm nhiệm. Tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán sao cho hợp lý, gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin, đồng thời phát huy nâng cao trình độ nghiệp vụ của kế toán. Để đảm bảo các yêu cầu trên, tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp phải căn cứ vào hình thức tổ chức công tác kế toán, vào đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của DN, vào khối lượng, tính chất và mức độ phức tạp của các NV kinh tế- tài chính, cũng như trình độ quản lý, trình độ nghiệp vụ của các nhân viên quản lý và nhân viên kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập chung, phòng tài vụ của công ty cũng chính là phòng kế toán trung tâm thực hiện toàn bộ các công tác kế toán tài chính của công ty từ xử lý chứng từ, ghi sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết đến việc lập báo cáo kế toán. Đồng thời hướng dẫn bộ phận thống kê trong công ty thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu chế độ hạch toán và chế độ kinh tế tài chính do Nhà nước quy định.

Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhiệm chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 07: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần VILACO



Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhiệm chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

Kế toán trưởng: Là viên chức chuyên môn nghiệp vụ quản lý doanh nghiệp, có chức năng tham mưu cho giám đốc công ty trong lĩnh vực tài chính kế toán, như: Xây dựng kế hoạch thu chi tài chính, quản lý các nguồn vốn, quyết toán tài chính, quan hệ với ngân hàng...tổ chức công tác kế toán của công ty phù hợp với nhu cầu quản lý và sản xuất.

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thu chi tài chính, quy chế thu nộp thanh toán, kiểm tra việc giữ gìn và sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn. Phát hiện và ngăn ngừa kịp thời những hành động tham ô, lãng phí, vi phạm chính sách, kỷ luật tài chính của Nhà nước và công ty ban hành.

- Chỉ đạo phòng kế toán công ty cập nhật ghi chép, tính toán, phản ánh toàn bộ tình hình luân chuyển, sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn công ty một cách chính xác, trung thực.

– Chịu trách nhiệm cung cấp số liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích hoạt động kinh tế tài chính phục vụ công tác lập và theo dõi việc thực hiện, phục vụ công tác thống kê và thông tin kinh tế.

– Chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về bố trí, tổ chức bộ máy kế toán, kiểm tra kiểm soát và hướng dẫn nghiệp vụ hạch toán kế toán, theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch và thực hiện chức năng quyền hạn của mình theo điều lệ kế toán trường ban hành.

– Thống kê kế toán của công ty được quy định theo chế độ bảo mật của công ty. Trước khi cung cấp số liệu phải báo cáo và được sự kiểm duyệt của kế toán trưởng công ty – Kế toán trưởng công ty chịu trách nhiệm về tính pháp lý của số liệu đã cung cấp theo Pháp lệnh thống kê kế toán ban hành 1989.

– Kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

– Lập báo cáo tài chính quý, năm.

Kế toán thuế, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, các khoản chiết khấu ngân hàng:

– kê khai chính xác thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra và các khoản nộp Ngân sách nhà nước để nộp thuế đúng, đầy đủ, kịp thời.

– Hỗ trợ kế toán trưởng trong việc hạch toán ngân hàng. Mọi khoản thu chi bằng tiền gửi Ngân hàng đều phải có đủ thủ tục chứng từ đối chiếu kiểm tra số tiền thu chi từ tiền gửi ngân hàng và sổ kế toán của doanh nghiệp. Xác định và kiểm tra mọi khoản tiền gửi ngân hàng đã ghi trong báo cáo.

– Hỗ trợ kế toán trưởng trong việc lập các kế ước vay, theo dõi các khoản vay ngân hàng ngắn hạn cũng như dài hạn, kiểm tra các khoản lãi phải trả. Hàng tháng trích trước lãi vay phải trả tính vào chi phí để hạch toán đúng, đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

– Theo dõi các khoản phí chứng từ ngân hàng (hàng xuất khẩu).

– Theo dõi các L/C nhập khẩu, xuất khẩu, theo dõi các khoản chiết khấu chứng từ hàng xuất, theo dõi các khoản công nợ phải thu của khách hàng nước ngoài cũng như tiến độ thu tiền của các L/C xuất khẩu.

Kế toán tiền mặt, công nợ nội bộ, tiền lương và bảo hiểm xã hội: Hỗ trợ kế toán trưởng trong việc hạch toán tiền mặt, công nợ nội bộ, lương, bảo hiểm xã hội, theo dõi công nợ tạm ứng.

Kế toán vật tư hàng hóa và các khoản công nợ phải trả, kế toán kho: Hỗ trợ kế toán trưởng trong việc theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch mua hàng hóa về số lượng, chủng loại, chất lượng và thời gian đảm bảo cho quá trình mua hàng đáp ứng đầy đủ vật tư hàng hóa phục vụ cho SXKD không bị gián đoạn, xác định trị giá vốn thực tế của hàng nhập kho, chi phí vận chuyển và các chi phí khác.

- Theo dõi kiểm tra các khoản nợ phải trả người bán.
- Theo dõi vật tư, nguyên vật liệu sản xuất.
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ hàng tháng.

Kế toán phân xưởng, giá thành: Tổ chức phân loại chi phí sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, phân tích đánh giá tình hình thực hiện chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Kế toán tài sản cố định và xây dựng cơ bản: Hỗ trợ kế toán trưởng trong việc quản lý tình hình tăng giảm tài sản cố định của công ty.

Kế toán bán hàng và công nợ phải thu: Theo dõi doanh thu và các khoản phải thu khách hàng.

Thủ quỹ: Hỗ trợ kế toán trưởng trong việc quản lý quỹ, theo dõi thu chi tiền mặt và bảo quản tiền mặt tại công ty.

2.1.4.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam;

- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao được phù hợp với Thông tư 203/2009/TT- BTC ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính theo Thông tư 203/2009/TT- BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 20/10/2009.

- Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.

Hệ thống chứng từ và tài khoản của công ty áp dụng theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

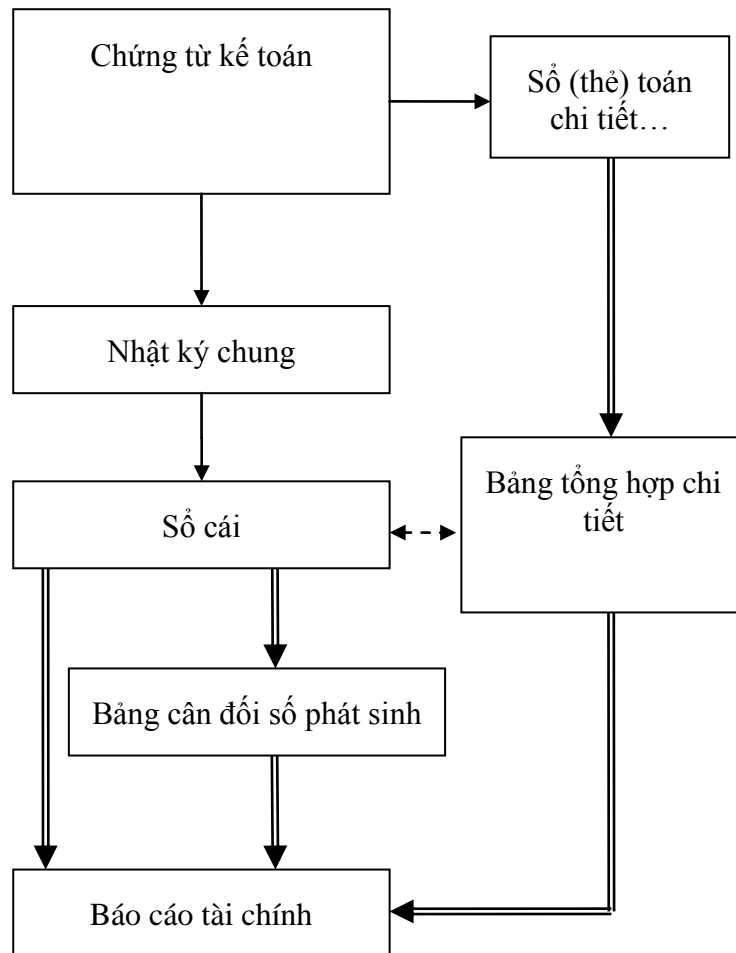
2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung (sổ trọng tâm)
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ: Sơ đồ quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi định kỳ: =========>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

➤ **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra dùng đó làm căn cứ ghi sổ: trước hết, ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung; sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Trường hợp công ty có mở sổ - thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh phải được ghi vào sổ - thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, quý, năm: cộng số liệu trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ - thẻ kế toán chi tiết) thì kế toán sẽ dùng số liệu đó để lập Báo cáo tài chính.

2.1.4.5 Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.

Hệ thống Báo cáo tài chính của Công ty áp dụng theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

- | | |
|--|----------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B-01/DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B-02/DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B-03/DN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B-09/DN |

2.2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần VILACO.

2.2.1 Tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại công ty cổ phần VILACO

2.2.1.1 Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty cổ phần VILACO

Là công ty sản xuất nên công ty cổ phần VILACO sử dụng rất nhiều nguyên vật liệu với số lượng lớn phong phú về chủng loại và giá trị tương đối lớn và thường xuyên. Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Mặt khác, vật liệu có tính chất rất dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết nếu không được bảo quản cẩn thận và dễ bị hao hụt trong quá trình vận chuyển. Chính vì vậy, công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả sẽ giúp giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm.

NVL chính dùng để sản xuất các SP là hóa mỹ phẩm nên đặc điểm nổi bật của NVL tại công ty là các chất hóa học, dễ bị hư hại, biến dạng nếu công

tác quản lý không đảm bảo yêu cầu. NVL được nhập từ các công ty trong nước hoặc nhập khẩu từ nước ngoài. Khi NVL về đến công ty sẽ được các nhân viên kỹ thuật pha chế theo tỷ lệ quy định rồi đưa xuống các phân xưởng sản xuất.

Do đặc thù NVL chính của công ty là các chất hóa học dễ bị tác động bởi môi trường làm cho hư hại, không sử dụng được, nên ban quản lý công ty rất chú trọng đến khâu bảo quản NVL đầu vào để tránh không gây ra những gián đoạn như: thiếu NVL, NVL bị hư hỏng không sử dụng được.... đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra thông suốt, đúng kế hoạch. Để làm được điều này thì ngay từ khi mới hoạt động, công ty đã chủ động xây dựng một hệ thống nhà kho dự trữ NVL đủ tiêu chuẩn về nhiệt độ, độ ẩm bảo quản NVL một cách tốt nhất, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Việc sử dụng NVL cũng đảm bảo được tiêu chí hợp lý, không gây lãng phí ảnh hưởng đến lợi nhuận doanh nghiệp cũng như ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Việc nhập xuất NVL được giám sát chặt chẽ, chứng từ nhập xuất đầy đủ, rõ ràng giúp cho công tác quản lý được dễ dàng.

Quản lý nguyên vật liệu là khâu quan trọng đầu tiên để đảm bảo cho quá trình sản xuất, việc quản lý nguyên vật liệu ở đây không chỉ về mặt số lượng mà phải quản lý cả về mặt chất lượng nhằm đảm bảo cho nguyên vật liệu không bị biến chất, giảm giá trị sử dụng.

- *Khâu thu mua*: Công ty có bộ phận chuyên công tác thu mua, vận chuyển, bốc dỡ. Các bạn hàng, nhà cung ứng khá uy tín nên công tác thu mua và dự trữ nguyên vật liệu ít bị ngưng trệ.

- *Khâu bảo quản dự trữ*: Tình hình quản lý nguyên vật liệu được chú trọng và quan tâm với cách tổ chức sắp xếp gồm 2 kho: Kho vật tư và kho thành phẩm. Việc sắp xếp trong từng kho cũng được thực hiện khá hợp lý, thuận tiện cho quá trình sản xuất.

- *Khâu sử dụng*: Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm được giảm phần nào.

2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu tại công ty cổ phần VILACO

Nguyên vật liệu tại công ty được phân loại theo công dụng của từng loại:

- *Nguyên vật liệu chính*: Lasna, Aqualix, Axit HCL, Axit N10, bột tái chế, enzyme, silicat, silicon, sút rắn, soda, sunphat.....trong sản xuất bột giặt, sản xuất nước tinh khiết.

- *Nguyên vật liệu phụ*: Hương chanh, hương táo, phụ gia đỏ, phụ gia xanh, bao bì... trong sản xuất bột giặt, bình đựng nước, màng cổ chai trong sản xuất nước tinh khiết.

- Nhiên liệu: gồm có than đá, dầu Mazut....

2.2.1.3 Tính giá nguyên vật liệu

➤ *Giá nguyên vật liệu nhập kho.*

Công ty tính giá nguyên vật liệu nhập kho theo trị giá thực tế. Các loại nguyên vật liệu sử dụng sản xuất tại công ty hầu hết là các nguyên vật liệu mua ngoài.

$$\begin{array}{rcccl} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Các khoản} \\ \text{Giá thực tế} & & & & & & \\ \text{NVL nhập kho} & = & \text{ghi trên HD} & + & \text{thu mua} & - & \text{giảm giá, CKTM,} \\ & & \text{của người bán} & & \text{thực tế phát sinh} & & \text{hàng mua bị trả lại} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá ghi trên hóa đơn của người bán: là giá chưa có thuế GTGT.
- Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ.... được cộng vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

► **VÍ DỤ**: Theo hóa đơn ngày 03.12.2012, công ty mua 6.910kg Sô đa với ĐƠN GIÁ 3.200đ/kg. Giá thực tế nhập kho sẽ là: 22.112.000đ

➤ *Giá nguyên vật liệu xuất kho*

Doanh nghiệp tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

► **VÍ DỤ**: Cuối tháng 11.2012, trong kho của công ty tồn 2.300kg Sô đa với ĐƠN GIÁ 2.700đ/kg.

Ngày 3.12.2012, công ty nhập thêm 6.910kg Sô đa với ĐƠN GIÁ 3.200đ/kg.

Ngày 09.12.2012, xuất dùng 4.200kg Sô đa .

Ngày 15.12.2012, xuất dùng 3.000kg Sô đa .

Ta tính được đơn giá bình quân liên hoàn. Từ đó, kế toán sẽ xác định được trị giá vật tư xuất dùng vào ngày 09.12.2012 và 15.12.2012:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho bình quân} \\ \text{ngày 9.12} \end{aligned} = \frac{(2.300 \times 2.700) + (6.910 \times 3.200)}{2.300 + 6.910} = 3.075 \text{ đ/kg}$$

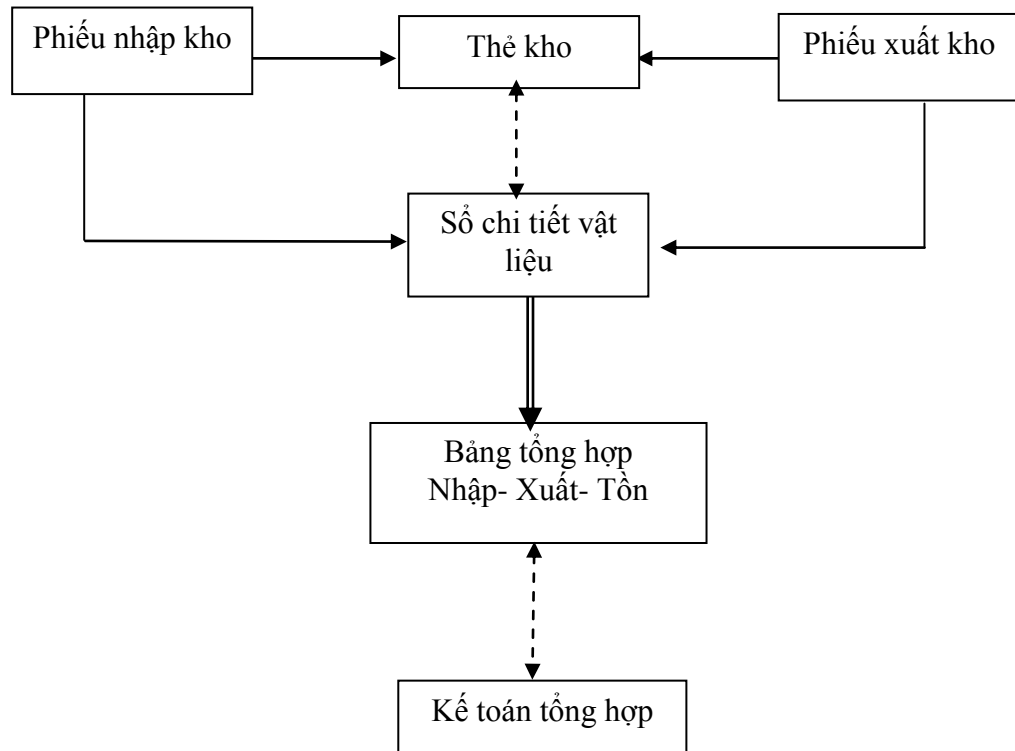
- Trị giá vật tư xuất dùng ngày 09.12.2012 = 3.075 x 4.200 = 12.915.000đ
- Trị giá vật tư xuất dùng ngày 15.12.2012 = 3.075 x 3.000 = 9.225.000đ

2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần VILACO.

Nhằm tăng cường công tác quản lý tài sản nói chung, quản lý nguyên vật liệu nói riêng đòi hỏi kế toán phải phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn kho của các loại nguyên vật liệu trong công ty theo cả chỉ tiêu về số lượng, chất lượng và giá trị. Yêu cầu này sẽ được đáp ứng nhờ việc tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Do công ty áp dụng kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp THẺ SONG SONG nên việc ghi chép phản ánh các biến động nguyên vật liệu được tiến hành kết hợp giữa kho và phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn của từng vật liệu về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

Sơ đồ: Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu , kiểm tra - - - - ->

► VÍ DỤ MINH HỌA

• **VÍ DỤ 1:**

Ngày 13.12.2012, công ty cổ phần VILACO nhận được hóa đơn giá trị gia tăng số 0000104 (Biểu 2.1) về việc mua NVL Lasna và Sút rắn của công ty SIVICO. Sau khi nhận được Hóa đơn mua nguyên vật liệu và nguyên vật liệu cũng đã được chuyển về công ty; phòng KCS kiểm tra chất lượng, quy cách, phẩm chất của nguyên vật liệu. Sau khi kiểm tra, thấy rằng lô hàng này có quy cách, chất lượng, chủng loại đúng như đã ghi trong hợp đồng mà hai bên ký; nhân viên kiểm tra ký tên, đóng dấu KCS vào Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Biểu 2.2).

Sau đó, bộ phận mua hàng lập Phiếu nhập kho số 328 (*Biểu 2.3*) để chuyển vật liệu về kho. Từ phiếu nhập kho số 328, thủ kho ghi vào thẻ kho Sút rắn (*biểu 2.7*) và kế toán ghi vào sổ chi tiết vật tư *Sút rắn (biểu 2.9)*.

• **VÍ DỤ 2:**

Ngày 15.12.2013, phân xưởng sản xuất cần thêm 3.000kg Soda, 3.200kg Sút rắn. Phân xưởng sản xuất sẽ lập Phiếu đề nghị xuất vật tư (*Biểu 2.4*). Thủ kho lập Phiếu xuất kho Số 25 (*Biểu 2.5*) sau đó sẽ ghi vào thẻ kho vật tư Soda (*Biểu 2.6*) và vật tư *Sút rắn (Biểu 2.7)*. Kế toán ghi vào sổ chi tiết cho vật tư Soda (*Biểu 2.8*) và vật tư *Sút rắn (Biểu 2.9)*.

Cuối tháng kế toán lập Bảng tổng hợp Nhập- Xuất- Tồn vật liệu trong tháng (*Biểu 2.10*).

Biểu 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000104

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho người mua <i>Ngày 13 tháng 12 năm 2012</i></p>						<p>MÃ SỐ: 01GTKT3/001</p> <p>Ký hiệu: AA/12P Số: 0000104</p>
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY SIVICO Mã số thuế : 0 3 0 1 4 8 4 5 4 8 Địa chỉ : Lê Chân, TP. Hải Phòng Điện thoại : 04.37628703 Fax: 04.38328178 Số tài khoản : 53590829 tại NH cổ phần thương mại Á Châu – PGD Lê Chân, HP</p>						
<p>Họ tên người mua hàng: Lại Thị Hằng Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO Mã số thuế : 0 2 0 0 5 7 4 8 6 9 Địa chỉ : Số 75B, đường 208, An Đồng, An Dương, TP. Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK</p>						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	
01	LASNA	KG	184.6	32.969	6.086.077	
02	SÚT RẪN	KG	12.860	10.830	139.273.800	
Cộng tiền hàng:					145.359.877	
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		14.535.988	
					Tổng cộng tiền thanh toán: 159.895.865	
<p>Số tiền viết bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng./</p> <p style="text-align: right;"><i>Hải Phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2012</i></p>						
<p>Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>		<p>Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>		<p>Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>		

Biểu 2.2: Biên bản kiểm nghiệm vật tư

CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO				
BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ				
(Vật tư nhập kho công ty)				
Căn cứ nhu cầu sản xuất, hôm nay ngày 13 tháng 12 năm 2012, chúng tôi gồm có:				
<ul style="list-style-type: none"> • Ông (bà): Nguyễn Thị Thanh Chức vụ: <i>trưởng phòng KCS</i> • Ông (bà): Trần Mạnh Hùng Chức vụ: <i>n/v công ty SIVICO</i> 				
NỘI DUNG KIỂM NGHIỆM				
STT	Tên vật liệu	Số lượng (bao)	Trọng lượng (Kg)	Chất lượng
01	LASNA	12	184.6	100%
02	SÚT RẮN	257	12.860	100%
<p><u>Ý kiến:</u> Vật liệu đúng, đủ như hóa đơn GTGT ngày 13.12.2012</p> <p style="text-align: right;"><i>Hải Phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2012</i></p>				
Bên giao hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Ban kiểm nghiệm <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 2.3: Phiếu nhập kho số 328

CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO PHIẾU NHẬP KHO Ngày 13 tháng 12 năm 2012				Mẫu số: 01 – VT (QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC Ngày 20/3/2006 SỐ: 328			
Người giao hàng: Công ty SIVICO Theo hóa đơn số: 0000104 Tại kho : Vật tư bột giặt							
TT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm. vật tư hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				CT	Thực nhập		
1	LASNA	LAS	KG	184.6	184.6	32.969	6.086.077
2	SÚT RẮN	SUT RAN	KG	12.860	12.860	10.830	139.273.800
	Tổng		VNĐ				145.359.877
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm lăm mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng chẵn./							
Số chứng từ gốc kèm theo: HĐ số 0000104							
Hải Phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2012							
Người lập phiếu (Ký, họ tên)		Người giao hàng (Ký, họ tên)		Thủ kho (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	

Biểu 2.4: Phiếu đề nghị xuất vật tư

CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO				
PHIẾU ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ				
Ngày 15 tháng 12 năm 2012				
Người đề nghị: Hoàng Văn Cường				
Phòng/Ban/Đơn vị: Phân xưởng sản xuất				
Lý do xuất kho: Kế hoạch sản xuất tháng 01/2013				
TT	Tên hàng hóa, vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	SODA	KG	3.000	
2	SÚT RẮN	KG	3.200	
<i>Hải Phòng, ngày 15 tháng 12 năm 2012</i>				
Giám đốc <i>(Ký, họ tên)</i>		Trưởng ban/phòng <i>(Ký, họ tên)</i>		Người đề nghị <i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu 2.5: Phiếu xuất kho số 325

<p>CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO</p> <p style="text-align: center;">PHIẾU XUẤT KHO</p> <p style="text-align: center;">Ngày 15 tháng 12 năm 2012</p>				<p>Mẫu số: 02 – VT</p> <p><i>QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC</i></p> <p><i>Ngày 20/3/2006</i></p> <p>SỐ: 325</p>			
<p>Họ tên người nhận hàng: Hoàng Văn Cường – phân xưởng Bột giặt</p> <p>Lý do xuất: Kế hoạch sản xuất tháng 01/2013</p> <p>Xuất tại kho: Vật tư bột giặt</p>							
T T	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm. vật tư hàng hóa	Mã số	ĐV T	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	SODA	SODA	KG	3.000	3.000	3.075	9.225.000
2	SÚT RẪN	SUT RAN	KG	3.200	3.200	10.719	34.300.800
Cộng				6.200	6.200		43.555.800
<p>Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi ba triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm đồng chẵn./</i></p>							
<p>Phụ trách cung ứng <i>(Ký, họ tên)</i></p>		<p>Người nhận hàng <i>(Ký, họ tên)</i></p>		<p>Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i></p>		<p>Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i></p>	

Biểu 2.6: Thẻ kho Soda

CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO				Mẫu số: S12 - DN			
THẺ KHO				QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC			
Tờ số: 13				Ngày 20/3/2006			
Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư: Soda							
Mã hiệu		: SODA					
Đơn vị tính		: KG					
T	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký nhận của kế toán
T	SH	Ngày		Nhập	Xuất	Tồn	
1	PNK 323	3.12.2012	Dư đầu tháng 12/2012 Nhập Soda	6.910		2.300 6.910	
2	PXK 324	9.12.2012	Xuất Soda để sản xuất BG VD 5Sao xô 9Kg		4.200	2.710	
3	PXK 325	15.12.2012	Xuất Soda để sản xuất BG VD 5Sao xô 9Kg		3.000	2.010	
4	PXK 326	17.12.2012	Xuất Soda để sản xuất BG VD 5Sao xô 9Kg		1.500	510	
5	PNK 332	18.12.2012	Nhập Soda	9.200		9.710	
6	PXK 334	21.12.2012	Xuất Soda để sản xuất BG VD 5Sao xô 9Kg		4.050	5.660	
7	PXK 337	27.12.2012	Xuất Soda để sản xuất BG VD 5Sao xô 9Kg		3.400	2.260	
...
			Cộng phát sinh tháng 12	25.850	19.450		
			Dư cuối tháng 12			6.400	

Biểu 2.7: Thẻ kho NVL Sút Rắn

CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO				Mẫu số: S12 - DN			
THẺ KHO				QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC			
Tờ số: 17				Ngày 20/3/2006			
Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư: Sút Rắn							
Đơn vị tính				: KG			
Mã hiệu				: SUT RAN			
T	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký nhận của kế toán
	SH	Ngày		Nhập	Xuất	Tồn	
			Dư đầu tháng 12/2012			8.500	
1	PNK 328	13.12.2012	Nhập Sút Rắn	12.860		21.360	
2	PXK 325	15.12.2012	Xuất Sút Rắn để sản xuất BG VD 5Sao 4.5KG		3.200	18.160	
3	PXK 328	18.12.2012	Xuất Sút Rắn để sản xuất BG VD 5Sao 4.5KG		1.600	16.560	
4	PXK 333	20.12.2012	Xuất Sút Rắn để sản xuất BG VD 5Sao 4.5KG		1.850	14.710	
5	PXK 337	27.12.2012	Xuất Sút Rắn để sản xuất BG VD 5Sao 4.5KG		1.250	13.460	
....
			Cộng phát sinh tháng 12	17.250	12.750		
			Dư cuối tháng 12			4.500	

Biểu 2.8: Sổ chi tiết vật liệu – Soda

CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO											
SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU											
Tháng 12 năm 2012											
Tài khoản: 152				Kho: Vật tư bột giặt							
Tên, quy cách vật liệu: Soda				Mã hiệu: SODA							
				Đơn vị tính : KG							
TT	Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	Ngày			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
1	PNK 323	3.12	Tồn đầu tháng 12 Nhập Soda	2.700 3.200	6.910	22.112.000			2.300 9.210	6.210.000 28.320.750	
2	PXK 324	9.12	Xuất Soda để sản xuất BG VD 5Sao xô 9Kg	3.075			4.200	12.915.000	5.010	15.405.750	
2	PXK 325	15.12	Xuất Soda để sản xuất BG VD 5Sao xô 9Kg	3.075			3.000	9.225.000	2.010	6.180.750	
3	PXK 326	17.12	Xuất Soda để sản xuất BG VD 5Sao xô 9Kg	3.075			1.500	4.612.500	510	1.568.250	
4	PNK 332	18.12	Nhập Soda	3.200	9.200	29.440.000			9.710	31.013.740	
....
			Cộng phát sinh tháng 12		25.850	82.590.750	19.450	61.850.000			
			Dư cuối tháng 12						6.400	19.520.000	

Biểu 2.9: Sổ chi tiết vật liệu – Sút rắn

CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO										Mẫu số: S10 - DN	
SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU										QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC Ngày 20/3/2006	
Tháng 12 năm 2012											
			Tài khoản: 152		Kho: Vật tư bột giặt						
			Tên, quy cách vật liệu: Sút Rắn		Mã hiệu: SUT RAN						
					Đơn vị tính		: KG				
TT	Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	Ngày			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			Tồn đầu tháng 12						8500	89.675.000	
1	PNK 328	13.12	Nhập Sút Rắn	10.830	12.860	139.273.800			21.360	228.948.800	
2	PXK 325	15.12	Xuất Sút Rắn để sản xuất BG VD 5Sao 4.5KG	10.719			3.200	34.300.800	18.160	194.648.000	
3	PXK 328	18.12	Xuất Sút Rắn để sản xuất BG VD 5Sao 4.5KG	10.719			1.600	17.150.400	16.560	177.497.600	
4	PXK 333	20.12	Xuất Sút Rắn để sản xuất BG VD 5Sao 4.5KG	10.719			1.850	19.830.150	14.710	157.667.450	
5	PXK 334	25.12	Xuất Sút Rắn để sản xuất BG VD 5Sao 4.5KG	10.719			1.250	13.398.750	13.460	144.268.700	
.....
			Cộng phát sinh tháng 12		17.250	221.662.500	12.750	161.521.600			
			Dư cuối tháng 12						4.500	60.140.900	

Biểu 2.10: Bảng tổng hợp NHẬP – XUẤT – TỒN nguyên vật liệu

CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO											
BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN											
NGUYÊN VẬT LIỆU											
Tháng 12 năm 2012											
Kho: Vật tư bột giặt											
Mã hiệu	Tên vật tư	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
<i>SODA</i>	<i>Soda</i>	<i>KG</i>	<i>3.194</i>	<i>2.300</i>	<i>6.210.000</i>	<i>25.850</i>	<i>82.590.750</i>	<i>19.450</i>	<i>61.850.000</i>	<i>6.400</i>	<i>19.520.000</i>
<i>SUT RAN</i>	<i>Sút Rắn</i>	<i>KG</i>		<i>8.500</i>	<i>89.675.000</i>	<i>17.250</i>	<i>221.662.500</i>	<i>12.750</i>	<i>161.521.600</i>	<i>4.500</i>	<i>60.140.900</i>
LASNA	Lasna	KG	93.636	0	0	173	16.199.028	168	15.730.848	5	468.180
AQUALIX	Aqualix	KG	25.510	37	943.870	132	3.367.320	125	3.188.750	44	1.122.440
JAVEN	Javen	KG	2.392	4.500	10.764.000	1.350	3.229.200	5.500	13.156.000	350	837.200
SUT	Sút vẩy	KG	14.348	1.275	18.293.700	2.568	36.845.664	1.890	27.117.720	1.953	28.021.644
.....
Cộng					7,521,931,298		9,435,931,200		8,673,610,732		8,284,251,766
						<i>Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>					
Người lập <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>						Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>					

2.2.3 – Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong công ty cổ phần VILACO

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép, phản ánh một cách tổng quát tình hình biến động của nguyên vật liệu trên các tài khoản, sổ kế toán và các báo cáo tài chính theo chỉ tiêu giá trị. Hiện nay, công ty cổ phần VILACO sử dụng phương pháp KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN để hạch toán hàng tồn kho nói chung và vật liệu nói riêng.

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: PC, GBN...

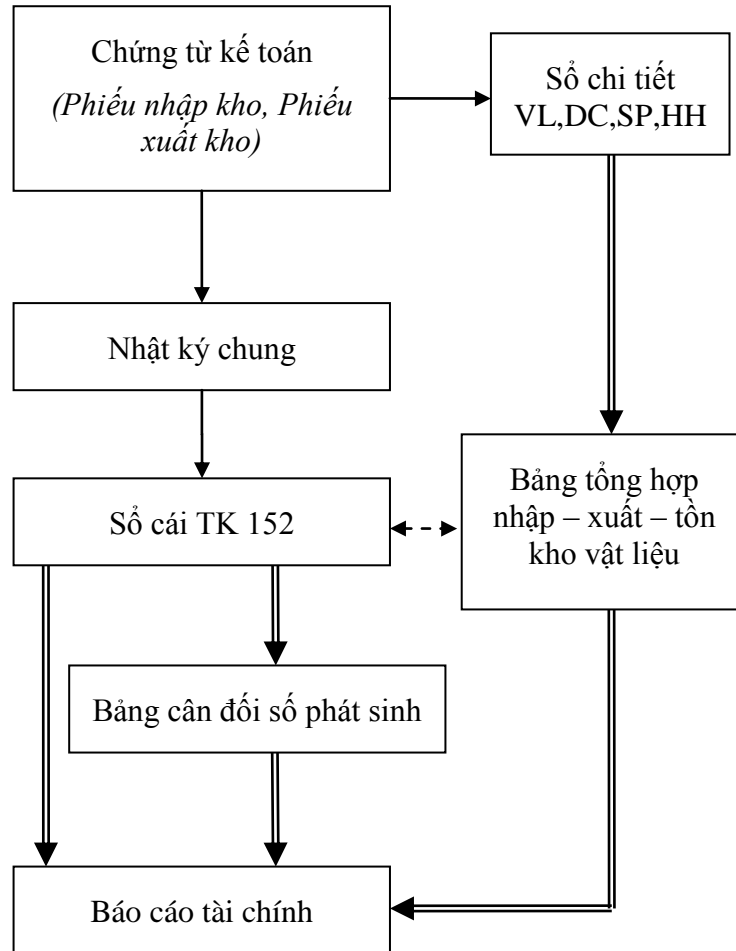
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

- TK 152 - Nguyên vật liệu
- Các TK khác liên quan 133, 111, 112, 331 ...

2.2.3.3 Quy trình hạch toán:

Công ty hạch toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký chung

**Sơ đồ: Quy trình hạch toán nguyên vật liệu
theo hình thức Nhật ký chung**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: $\langle\text{----}\rangle$

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

- **VÍ DỤ 3** (*Minh họa tiếp theo Ví dụ 1*)

Ngày 13.12.2012, công ty cổ phần VILACO nhận được hóa đơn giá trị gia tăng số 0000104 về việc mua NVL Lasna và Sút rắn của công ty SIVICO. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000104 (*Biểu 2.11*), phiếu nhập kho số 328 (*Biểu 2.12*) và Giấy báo nợ (*Biểu 2.13*) kế toán sẽ ghi vào Sổ Nhật ký chung (*Biểu 2.14*) và sổ cái tài khoản 152 (*Biểu 2.15*).

- **VÍ DỤ 4**: (*Minh họa tiếp theo ví dụ 2*)

Ngày 15.12.2013, phân xưởng sản xuất cần thêm 3.000kg Soda, 3.200kg Sút rắn. Căn cứ vào phiếu xuất kho (*Biểu 2.16*) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (*Biểu 2.14*), sổ cái TK 152 (*Biểu 2.15*) và sổ cái TK 621 (*Biểu 2.17*)

Biểu 2.11: Hóa đơn GTGT 0000104

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho người mua Ngày 13 tháng 12 năm 2012</p>					<p>MẪU SỐ: 01GTKT3/001</p> <p>Ký hiệu: AA/12P Số: 0000104</p>
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY SIVICO					
Mã số thuế : 0 3 0 1 4 8 4 5 4 8					
Địa chỉ : Lê Chân, TP. Hải Phòng					
Điện thoại : 04.37628703			Fax: 04.38328178		
Số tài khoản : 53590829 tại NH cổ phần thương mại Á Châu – PGD Lê Chân, HP					
Họ tên người mua hàng: Lại Thị Hằng					
Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO					
Mã số thuế : 0 2 0 0 5 7 4 8 6 9					
Địa chỉ : Số 75B, đường 208, An Đồng, An Dương, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	LASNA	KG	184.6	32.969	6.086.077
02	SÚT RẰN	KG	12.860	10.830	139.273.800
Cộng tiền hàng:					145.359.877
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			14.535.988
Tổng cộng tiền thanh toán:					159.895.865
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng./					
Hải Phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2012					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu 2.12: Phiếu nhập kho

CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO PHIẾU NHẬP KHO Ngày 13 tháng 12 năm 2012				Mẫu số: 01 – VT <i>(QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC</i> Ngày 20/3/2006 SỐ: 328			
Người giao hàng: Công ty SIVICO Theo hóa đơn số: 0000104 Tại kho : Vật tư bột giặt							
TT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm. vật tư hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				CT	Thực nhập		
1	LASNA	LAS	KG	184.6	184.6	32.969	6.086.077
2	SÚT RẮN	SUT RAN	KG	12.860	12.860	10.830	139.273.800
Tổng			VNĐ				145.359.877
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng chẵn./</i> Số chứng từ gốc kèm theo: HĐ số 0000104							
<i>Hải Phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2012</i>							
Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		Người giao hàng <i>(Ký, họ tên)</i>		Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	

Biểu 2.13: Giấy báo nợ số 34

<p>Ngân hàng Vietin Bank</p> <p style="text-align: center;">Giấy báo nợ</p> <p style="text-align: center;">Ngày 13 tháng 12 năm 2012</p>	<p>Mã GDC: NTHUHANG Mã KH: 44048 Số giao dịch: 13</p>
<p>Kính gửi: Công ty VILACO Mã số thuế: 0 2 0 0 5 7 4 8 6 9 Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung: Số tài khoản ghi nợ: 1010981729 Số tiền: 159.895.865 VNĐ Số tiền viết bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, tám trăm chín mươi năm nghìn tám trăm sáu mươi năm đồng chẵn./ Lý do chi: Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu cho công ty SIVICO</p>	
<p><i>Ngày 13 tháng 12 năm 2012</i></p>	
<p>Giao dịch viên</p>	<p>Kiểm soát</p>

Biểu 2.14: Phiếu xuất kho

CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO				Mẫu số: 02 – VT			
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 15 tháng 12 năm 2012				QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC			
				Ngày 20/3/2006			
				SỐ: 325			
Họ tên người nhận hàng: Hoàng Văn Cường – phân xưởng Bột giặt							
Lý do xuất: Kế hoạch sản xuất tháng 01/2013							
Xuất tại kho: Vật tư bột giặt							
T T	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm. vật tư hàng hóa	Mã số	ĐV T	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	SODA	SODA	KG	3.000	3.000	3.075	9.225.000
2	SÚT RẪN	SUT RAN	KG	3.200	3.200	10.719	34.300.800
Cộng				6.200	6.200		43.555.800
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm đồng chẵn./							
Phụ trách cung ứng (Ký, họ tên)		Người nhận hàng (Ký, họ tên)		Thủ kho (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	

Biểu 2.15: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đông – An Dương

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Phát sinh tháng 12					
7/12/2012	GBN0912	7/12/2012	TT tiền hàng cho Cty Hòa phát			331	400.000.000	
						112		400.000.000
8/12/2012	GBC0412	8/12/2012	Vico thanh toán tiền hàng			112	10.200.000.000	
						131		10.200.000.000
.....
13/12/2012	GBN 1312	13/12/2012	Nhập kho vật tư Lasna và sút rắn, đã thanh toán bằng CK			152	145.359.877	
						133	14.535.988	
.....				112		159.895.865
14/12/2012	PT45/12	14/12/2012	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ			111	50.000.000	
						112		50.000.000
15/12/2012	PXK325	15/12/2012	Xuất kho Soda và sút rắn để sản xuất	x		621	43.555.800	
				x		152		43.555.800
20/12/2012	PC38/12	20/12/2012	Trần Hải Minh tạm ứng tiền đi công tác	x		141	2.000.000	
				x		111		2.000.000
.....
			Cộng SFS cả năm				341.833.720.850	341.833.720.850

Biểu 2.16: Sổ cái TK 152

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương							Mẫu số: S03b-DN	
SỔ CÁI Năm 2012 Tên tài khoản: Nguyên vật liệu Số hiệu: 152							(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)	
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải Số dư đầu kỳ tháng 12	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang	STT		NỢ	CÓ
						7,521,931,298		
1/12/2012	PNK 315	1/12/2012	Nhập kho hóa chất axit N10			331	47,727,288	
2/12/2012	PNK 320	2/12/2012	Nhập kho Silicat			331	219,399,840	
3/12/2012	PNK 321	3/12/2012	Nhập kho bột tái chế			331	28,228,500	
3/12/2012	PNK 322	3/12/2012	Nhập kho axit HCL			331	107,783,200	
3/12/2012	PNK 323	3/12/2012	Nhập kho bột tái chế			331	28,364,000	
3/12/2012	PNK 324	3/12/2012	Nhập kho Sô đa			112	14,080,000	
5/12/2012	PXK 322	5/12/2012	Xuất kho bột tái chế			621		4.385.220
7/12/2012	PNK 326	7/12/2012	Nhập kho hóa chất axit HCL			331	22.000.000	
9/12/2012	PXK 324	9/12/2012	Xuất kho Sô đa			621		12.915.000
13/12/2012	PNK 328	13/12/2012	Nhập kho Lasna và Sút rắn			112	145.359.877	
14/12/2012	PNK 330	14/12/2012	Nhập kho hóa chất axit HCL			331	58.507.486	
15/12/2012	PXK 325	15/12/2012	Xuất kho Sô đa, Sút rắn			621		43.555.800
							
27/12/2012	PNK 349	27/12/2012	Nhập kho Sô đa, Sút Rắn			111	17.950.480	
.....
			Cộng phát sinh tháng 12				9,435,931,200	8.673.610.732
			Dư cuối kỳ tháng 12				8.284.251.766	

Biểu 2.17: Sổ cái TK 621

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương <p style="text-align: center;">SỔ CÁI Năm 2012 Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp Số hiệu: 621</p>						Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang	STT		NỢ	CÓ
			Phát sinh tháng 12					
1/12/2012	PXK 318	1/12/2012	Xuất kho bột hóa chất axit N10			152	87,727,288	
5/12/2012	PXK 322	5/12/2012	Xuất kho bột tái chế			152	28,228,500	
5/12/2012	PXK 323	5/12/2012	Xuất bao bì			152	65.890.560	
9/12/2012	PXK 324	9/12/2012	Xuất kho Sô đa			152	88.265.000	
15/12/2012	PXK 325	15/12/2012	Xuất kho Sô đa, Sút rắn			152	43.555.800	
18/12/2012	PXK 330	18/12/2012	Xuất kho Sô đa, sút rắn			152	97.950.480	
.....
31/12/2012	PKT 15/12	31/12/2012	Kết chuyển sang TK 154			154		7.495.258.680
			Cộng số phát sinh tháng 12				7.495.258.680	7.495.258.680

2.2.4 – Kiểm kê nguyên vật liệu cuối kỳ

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu thường xuyên biến động, công tác quản lý nguyên vật liệu đã được coi trọng, tuy nhiên trong quản lý và bảo quản không thể tránh khỏi những nhầm lẫn, sai sót như: mất mát, nhầm lẫn, thừa, thiếu...với nhiều nguyên nhân khác nhau. Vì vậy công tác kiểm kê nguyên vật liệu hàng năm được thực hiện nghiêm túc để phát hiện những chênh lệch giữa sổ sách và thực tế.

Công tác kiểm kê được thực hiện mỗi năm một lần vào ngày 31/12. Trước thời điểm kiểm kê, kế toán vật liệu vào sổ sách tất cả các loại vật liệu mới nhập, mới xuất và đối chiếu nhất trí với thẻ kho. Sau đó tiến hành lập bảng kê vật tư có trong danh mục vật tư của công ty.

Công ty lập ra một hội đồng kiểm kê trong đó có nhân viên của phòng kế toán, phòng vật tư và các đơn vị có liên quan sẽ tiến hành đối chiếu trực tiếp giữa sổ sách và thực tế, giữa chứng từ và hiện vật, tiến hành cân đong đo đếm số lượng, trọng lượng của từng thứ vật tư và lập báo cáo kiểm kê theo đúng mẫu biểu và thời gian quy định.

Biểu 2.18: Biên bản kiểm kê sản phẩm, hàng hóa tồn kho

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO					Mẫu số 05- VT										
Bộ phận:					(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)										
BIÊN BẢN KIỂM KÊ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TỒN KHO															
<ul style="list-style-type: none"> • Thời điểm kiểm kê Lúc 9h30' ngày 31 tháng 12 năm 2012 • Ban kiểm kê gồm : <p>Bà: Nguyễn Thị Thanh Chức vụ: kế toán vật tư Ông: Nguyễn Minh Hải Chức vụ: thủ kho vật tư Ông: Phạm Mạnh Huy Chức vụ: nv phòng kế hoạch- sản xuất</p> <p>Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây :</p>															
TT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm, vật tư hàng hóa	Mã số	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
								Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền				
1	Sô đa	SODA	KG	3.194	2.260	7.218.440	2.260	7.218.440	-		-		X		
2	Sút rần	SUT RAN	KG	12.860	3.580	46.038.800	4.580	46.038.800	-		-		X		
3	Lasna	LAS	KG	184,6	23.960	4.423.016	5.960	4.423.016	-		-		X		
4	Bột tái chế	BOT TC	KG	25.510	44	1.122.440	44	1.122.440	-		-		X		
5	Bao	BAO	KG	36.820	8,5	312.970	8,5	312.970	-		-		X		
6	Silicat	SILI	KG	13.364	145	1.939.055	145	1.939.055	-		-		X		
....							
	Cộng														

CHƯƠNG III**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO****3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán NVL tại công ty cổ phần
VILACO**

Kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, công ty đã trải qua không ít khó khăn và vươn lên tạo chỗ đứng cho mình trên thị trường. Đặc biệt trong nền kinh tế trong thị trường như hiện nay, muốn tồn tại phải cạnh tranh với nhau. Nhưng chính những rào cản đó là động lực cho công ty nỗ lực, phát huy mọi thế mạnh của mình, từng bước vươn lên để phát triển và khẳng định vị trí của mình trên thị trường.

Để đứng vững trên thị trường và tạo lập uy tín của mình như hiện nay không thể không nói đến sự chỉ đạo tài tình của Ban lãnh đạo công ty và sự vươn lên của các thành viên trong công ty. Tập thể lãnh đạo của công ty đã nhận ra những mặt yếu kém và không phù hợp của cơ chế mới nên đã có những biện pháp kinh tế hiệu quả, mọi sáng kiến đều được phát huy nhằm từng bước khắc phục mọi khó khăn để hòa nhập với nền kinh tế thị trường. Bản thân công ty luôn phải tìm ra các nguồn vốn sản xuất, tự tìm ra các nguyên vật liệu để đáp ứng nhu cầu sản xuất, đồng thời một công ty nhạy bén với sự thay đổi và cạnh tranh của thị trường, công ty luôn chú trọng tới việc nâng cao chất lượng công trình và công tác quản lý nói chung và công tác quản lý nguyên vật liệu nói riêng. Một trong những yêu cầu quan trọng mà công ty yêu cầu là phải tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Như đã biết, vật liệu là khoản mục chi phí chiếm tỉ trọng trong giá thành. Do đó công tác quản lý và sử dụng vật liệu tốt sẽ đóng góp tốt mục tiêu hạ giá thành sản phẩm mà công ty đã đề ra. Điều này thể hiện sự chú trọng từ khâu mua, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu. Qua thời gian tìm hiểu công tác nguyên vật liệu ở công ty VILACO, được sự quan tâm của các cô chú, anh chị trong công ty và những kiến thức tiếp thu được ở trường, em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu ở công ty có những ưu nhược điểm sau:

3.1.1 Ưu điểm

Trải qua thời gian tồn tại và phát triển, Công ty Cổ phần VILACO đã không ngừng nâng cao phương thức quản lý, mở rộng quy mô sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm thời gian. Với việc áp dụng quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh đã đem lại lợi ích tối đa cho công ty, góp phần nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên trong toàn công ty và đóng góp một phần không nhỏ trong công cuộc xây dựng đất nước.

♣ Về bộ máy quản lý

Với hình thức tổ chức quản lý trực tuyến - chức năng, bộ máy quản lý tổ chức của công ty gọn nhẹ, thống nhất, bên dưới ban lãnh đạo các phòng ban được xây dựng hợp lý, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình, đồng thời các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ công ty đưa xuống đảm bảo số lượng được giao.

♣ Về bộ máy kế toán

Công ty Cổ phần VILACO hiện có bộ máy kế toán tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả thực hiện đúng theo chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với mô hình quản lý của công ty. Trong phòng tài chính kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ tay nghề phù hợp, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng phần hành kế toán một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành mà mình phụ trách, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác đến đối tượng sử dụng. Ngoài ra, các nhân viên kế toán không ngừng trau dồi trình độ nghiệp vụ của mình, tiếp thu kịp thời, vận dụng linh hoạt chế độ kế toán mới, cố gắng đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong công việc. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

♣ Về vận dụng hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo phản ánh nhanh chóng tình hình biến động của công ty.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đây là phương pháp được sử dụng phổ biến ở nước ta.

Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định hiện hành của nhà nước.

♣ Về công tác kế toán nguyên vật liệu:

Công ty đã hạch toán nguyên vật liệu theo đúng chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra liên tục, thường xuyên, kịp thời phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công ty áp dụng phương pháp **thẻ song song**, phương pháp này giúp cho phòng kế toán theo dõi chặt chẽ từng nguyên vật liệu từ khâu thu mua, về kho bãi đến khi xuất dùng, việc đối chiếu giữa sổ và các chứng từ đơn giản, chính xác, việc quản lý được dễ dàng và kịp thời.

- *Về khâu thu mua nguyên vật liệu:* Do công ty đã làm tốt từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, ký kết hợp đồng, nhận hàng cũng như kiểm định chất lượng nên việc thu mua được tiến hành quy củ, chất lượng và số lượng vật tư được đảm bảo đúng yêu cầu sử dụng, không phát sinh những chi phí không cần thiết.

- *Về khâu sử dụng:* công ty căn cứ vào định mức, kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu để chủ động có trong công tác thu mua nguyên vật liệu nên lượng tồn kho ít, vốn không ứ đọng, nguyên vật liệu được dùng đúng mục đích, việc quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ và là cơ sở chủ yếu trong kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm của công ty .

- *Về khâu dự trữ*: với đặc tính sản phẩm cần sử dụng khối lượng vật tư lớn, chủng loại vật tư nhiều, đa dạng nên công ty tổ chức kế hoạch sản xuất theo từng đơn đặt hàng để đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất, không để tình trạng ứ đọng nhiều nguyên vật liệu hay quá trình sản xuất kinh doanh bị gián đoạn.

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần VILACO đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của công ty cũng như tình hình biến động của nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất giúp các nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, hạ thấp giá thành sản phẩm, tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp

3.1.2 Nhược điểm

Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty VILACO vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục:

Thứ nhất: Về lập sổ danh điểm nguyên vật liệu

Công ty cổ phần VILACO là một công ty chuyên sản xuất các sản phẩm là hóa phẩm, mỹ phẩm, sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, phẩm chất, kích cỡ. Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em, công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm nguyên vật liệu”

Thứ hai: Về hiện đại hóa công tác kế toán

Khối lượng công việc kế toán tại công ty khá lớn nhưng công tác kế toán vẫn được thực hiện thủ công. Mặc dù phòng kế toán đã được trang bị máy tính nhưng mới chỉ áp dụng Microsoft Office (Word, Excel...). Vậy nên, công ty nên xem xét tới việc mua phần mềm kế toán phù hợp với tình hình công ty.

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu chưa được thực hiện thường xuyên, cuối năm công ty mới tiến hành công tác kiểm tra nên không phát hiện kịp thời được sự mất mát, hư hỏng nguyên vật liệu để xử lý kịp thời. Vì vậy mà công ty cần tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu thường xuyên hơn để phát hiện và xử lý kịp thời,

Thứ ba: Về công tác kiểm kê nguyên vật liệu.

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu chưa được thực hiện thường xuyên, cuối năm công ty mới tiến hành công tác kiểm tra nên không phát hiện kịp thời được sự mất mát, hư hỏng nguyên vật liệu để xử lý kịp thời. Vì vậy mà công ty cần tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu thường xuyên hơn để phát hiện và xử lý kịp thời,

Thứ tư: Về việc giao nhận chứng từ..

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải lý vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần VILACO.

Qua những cơ sở lý luận về hạch toán nguyên vật liệu với nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu và áp dụng lý luận vào thực tiễn kế toán nguyên vật liệu tại công ty chúng ta đã thấy rõ được vai trò và vị trí của thông tin kế toán nguyên vật liệu trong việc đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý kế toán và quản trị doanh nghiệp.

Xuất phát từ yêu cầu trên việc hoàn thiện tổ chức hạch toán nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng. Hoàn thiện tổ chức hạch toán nguyên vật liệu sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, qua đó giảm giá thành sản phẩm nhằm nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán nguyên vật liệu đã làm được vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty Cổ phần VILACO. Tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty cũng như tổ chức công tác kế toán, bài viết xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

➤ Giải pháp 1: Lập sổ danh điểm nguyên vật liệu

Công ty cổ phần VILACO là một công ty chuyên sản xuất các sản phẩm là hóa phẩm, mỹ phẩm, sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, phẩm chất, kích cỡ. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em, công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm nguyên vật liệu”

Sổ danh điểm nguyên vật liệu là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi theo từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ danh điểm nguyên vật liệu, giúp cho việc quản lý từng loại vật liệu sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập- xuất- tồn. Khi có sổ danh điểm, việc cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận lợi hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Hơn nữa, tuy công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo vai trò và công dụng của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh theo 3 nhóm. Nhưng trong quá trình hạch toán tổng hợp tất cả các nguyên vật liệu đều được công ty hạch toán chung trong tài khoản 152, bao gồm cả nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu. Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên mở thêm và sử dụng các tiểu khoản như sau trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 1521: Nguyên vật liệu chính
- TK 1522: Nguyên vật liệu phụ
- TK 1523: Nhiên liệu

Việc mở thêm các tiểu khoản, sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của Nhà nước.

Ngoài ra, sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu. Như vậy quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm sẽ được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu hay so sánh chi tiết chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm trong các kỳ.

Để lập sổ danh điểm nguyên vật liệu điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào vật liệu;
- Dựa vào số nhóm vật liệu trong mỗi loại;
- Dựa vào các số thứ vật liệu trong mỗi nhóm;
- Dựa vào số quy cách vật liệu trong mỗi thứ.

Ví dụ: Nguyên vật liệu chính 1521

• **TK 152.1** – Nguyên vật liệu chính

TK 1521.01 Lasna

TK 1521.02 Sút rắn

TK 1521.03 Soda

.....

Công ty cổ phần VILACO có thể lập “ Sổ danh điểm nguyên vật liệu “ theo mẫu sau đây:

Biểu số 2.19: Sổ danh điểm nguyên vật liệu

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Danh điểm vật liệu	Đơn vị tính	Ghi chú
Loại	Nhóm				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	<i>1521.01</i>		Lasna	Kg	
	<i>1521.02</i>		Sút răn	Kg	
	<i>1521.03</i>		Soda	Kg	
	<i>1521.04</i>		Axit	Kg	
		1521.04.01	Axit N10	Kg	
		1521.04.02	Axit HCL	Kg	
.....
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	<i>1522.01</i>		Hương	Kg	
		1522.01.01	Hương chanh	Kg	
		1522.01.02	Hương Lavanda	Kg	
		1522.01.03	Hương Rosa	Kg	
.....
	<i>1522.04</i>		Phụ gia	Kg	
		1522.04.01	Phụ gia đỏ	Kg	
		1522.04.02	Phụ gia xanh	Kg	
1523			Nhiên liệu,		
	1523.01		Than đá	Kg	
	1523.02		Dầu Mazut	Lít	
.....

➤ **Giải pháp 2: Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty cổ phần VILACO**

Khối lượng công việc kế toán tại công ty khá lớn nhưng công tác kế toán vẫn được thực hiện thủ công. Mặc dù phòng kế toán đã được trang bị máy tính nhưng mới chỉ áp dụng Microsoft Office (Word, Power Point, Excel...). Vậy nên, công ty nên xem xét tới việc mua phần mềm kế toán phù hợp với tình hình công ty.

Hiện nay trên thị trường có khá nhiều các phần mềm kế toán như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán Fast Accounting, phần mềm kế toán MetaData Accounting, phần mềm kế toán Sasinnova...

Em xin được giới thiệu một vài phần mềm kế toán phổ biến nhất:

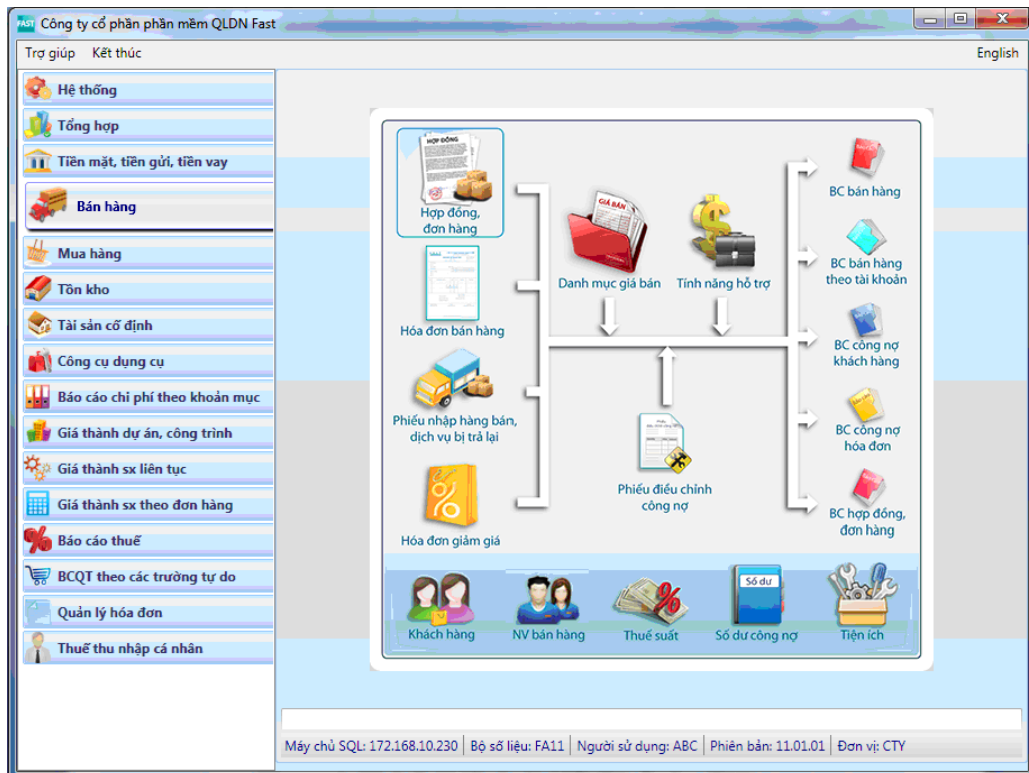
- **PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA**



- **GIÁ: 9.950.000 VNĐ**

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

• PHẦN MỀM KẾ TOÁN FAST ACCOUNTING



- GIÁ: 12.000.000 VNĐ
- Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.
- Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT
- Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ:
 - *Hệ thống*
 - *Kế toán tổng hợp*
 - *Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay*
 - *Kế toán bán hàng và công nợ phải thu*
 - *Kế toán mua hàng và công nợ phải trả*
 - *Kế toán hàng tồn kho*
 - *Kế toán TSCĐ*
 - *Kế toán CCLĐ*
 - *Báo cáo chi phí theo khoản mục*
 - *Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp*
 - *Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục*

- *Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng*
- *Báo cáo thuế*
- *Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa*
- *Quản lý hóa đơn*
- *Thuế thu nhập cá nhân.*
- Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox, Chrome...
- **PHẦN MỀM KẾ TOÁN METADATA ACCOUNTING**



- **GIÁ: 8.000.000 VNĐ**
- Phần mềm kế toán MetaData Accounting được phát triển trên công nghệ tiên tiến, xử lý dữ liệu liên hoàn và khép kín, vì vậy số liệu nhập vào phần mềm luôn trong trạng thái nhất quán, mà vẫn đảm bảo tốc độ cập nhật chứng từ và đưa ra báo cáo nhanh nhất. Với nhiều tiện ích độc đáo, phần mềm kế toán MetaData đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình quản lý kế toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ứng dụng được cấu trúc một cách khoa học, giúp người dùng làm việc thuận tiện nhất. Sản phẩm phù hợp cho hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thương mại, Dịch vụ, Sản xuất, Xây dựng, Xuất/Nhập khẩu, ...
- MetaData Accounting không những đáp ứng yêu cầu cơ bản về Quản lý Tài chính Kế toán của doanh nghiệp mà nó còn cung cấp cho Nhà Quản trị các Giải pháp Quản lý Toàn diện. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một lần tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho, bộ phận bán hàng, bộ phận kế toán, ... và được MetaData Accounting xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra.

- Chương trình được phát triển trên công nghệ tiên tiến mang tính chuyên nghiệp cao, sử dụng hệ cơ sở dữ liệu Client/Server InterBase/FireBird có thể chạy trên một máy độc lập hay trên mạng nội bộ LAN và Internet, cùng với khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (hàng triệu phát sinh ...) đáp ứng nhiều người cùng sử dụng một lúc. Phù hợp với hầu hết các Doanh nghiệp có quy mô lớn nhỏ khác nhau, xa cách về mặt địa lý.

- + Thỏa mãn Tiêu chuẩn Phần mềm Kế toán theo thông tư Số 103/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán.

- + Sử dụng font Unicode, tuân thủ quy định của Chính phủ theo Tiêu chuẩn TCVN 6909:2001.

- + Luôn cập nhật kịp thời các thay đổi mới nhất về chế độ kế toán và báo cáo thuế:

- Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- + Hỗ trợ Hình thức sổ kế toán: Nhật ký Chung, Nhật ký sổ cái, Nhật ký – Chứng từ, Chứng từ ghi sổ, Kế toán máy.

Theo em, công ty nên cân nhắc sử dụng phần mềm kế toán Misa. Bởi lẽ, Misa không chỉ là phần mềm kế toán phổ biến nhất hiện nay mà nó còn có khá nhiều phiên bản. Đối với doanh nghiệp thì MISA SME.NET 2012 là sản phẩm khá phù hợp. Sản phẩm này được phát triển trên nền tảng .NET hiện đại nhất của Microsoft, tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý tài chính, kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Các phần mềm kế toán MISA không những cập nhật kịp các chế độ, quy định mới của Bộ tài chính mà còn giải quyết được các yêu cầu thực tế phát sinh của doanh nghiệp như: đáp ứng hệ thống báo cáo quản trị, thường xuyên cập nhật các tính năng mới... Điểm đặc biệt, MISA “biết lắng nghe những phản ánh thực tế của các đơn vị sử dụng phần mềm, ghi nhận và điều chỉnh kịp thời trong phần mềm”.

MISA là doanh nghiệp công nghệ thông tin uy tín và cũng là 1 trong 4 đơn vị đầu tiên được Tổng cục thuế tin cậy, thẩm định phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012, đủ điều kiện đáp ứng Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh với mình. Với MISA SME.NET 2012, doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

➤ **Giải pháp 3: Hoàn thiện công tác kiểm kê nguyên vật liệu**

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty. Hiện nay, công ty đã tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu 1 lần trong năm tại thời điểm 31/12. Thời gian tổ chức kiểm kê như vậy sẽ không đánh giá được kịp thời, chính xác số lượng, giá trị cũng như phẩm chất nguyên vật liệu tồn kho, khó tìm ra nguyên nhân, quy trách nhiệm cho đúng đối tượng, có thể gây gián đoạn, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất.

Với những nhận định trên, theo em công ty nên tiến hành tổ chức công tác kiểm kê nguyên vật liệu nói riêng và vật tư nói chung là sẽ tiến hành kiểm kê hàng tháng trong năm. Tiến hành kiểm kê như vậy, sẽ đánh giá được kịp thời, chính xác nếu xảy ra hỏng hóc, mất mát, chênh lệch giữa sổ sách và thực tế. Ngoài ra cũng kiểm tra đánh giá được phẩm chất, tình trạng nguyên vật liệu có đúng với tiêu chuẩn, yêu cầu cho phục vụ sản xuất, nếu nguyên vật liệu bị biến dạng, kém chất lượng sẽ kịp thời có những giải pháp bổ sung, thay thế đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành liên tục, chất lượng sản phẩm làm ra đúng tiêu chuẩn.

➤ **Giải pháp 4: Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải lý vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Công ty có thể lập sổ giao nhận chứng từ theo biểu 3.1 sau:

Biểu 3.1: Sổ giao nhận chứng từ

CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày...đến ngày....tháng...năm....

Ngày, tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày, tháng trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận
A	B	C	2	D	E

Ngày... tháng...năm....

➤ **Một số giải pháp khác**

• Thứ nhất: Về hệ thống kho tàng bến bãi

Nguyên vật liệu của công ty còn nhiều chủng loại khác nhau nên công ty cần chú trọng đến các kho tàng bến bãi để bảo quản nguyên vật liệu được đảm bảo. Công ty cần xây dựng thêm kho tàng để bảo quản nguyên vật liệu tránh hư hỏng gây thiệt hại cho công ty. Ngoài ra kho tàng đã được xây dựng lâu năm công ty phải kiểm tra và tu sửa lại cho đảm bảo có thể giữ gìn và bảo

quản nguyên vật liệu tốt hơn. Đối với những nguyên vật liệu đặc biệt cần có chế độ bảo quản riêng tuân thủ theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất hoặc tư vấn chuyên môn để tránh gây hư hỏng và ảnh hưởng đến nguyên vật liệu, cần có một hệ thống kho đủ tiêu chuẩn để sắp xếp và phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học và hợp lý đảm bảo tính an toàn cho từng nguyên vật liệu.

• Thứ hai: về xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu.

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhiều biến động xảy ra có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của công ty và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu công ty không xác định mức dự trữ nguyên vật liệu thì kế hoạch sản xuất có thể bị ngừng trệ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Nếu công ty dự trữ nguyên vật liệu quá lớn sẽ làm ứ đọng vốn, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn và phát sinh các chi phí liên quan. Ngược lại, nếu dự trữ ít thì khi nguyên vật liệu trên thị trường khan hiếm hoặc giá cả nguyên vật liệu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh, Nguyên vật liệu bị thiếu có thể làm cho doanh nghiệp phải ngừng sản xuất. Vì vậy, công ty nên xây dựng định mức dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu, tránh gây dự trữ quá nhiều hay quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó.

Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch, định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu cũng như tình hình và khả năng của công ty.

+ Định mức giá cho một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh giá cuối cùng của một nguyên vật liệu trực tiếp sau khi đã trừ đi mọi khoản chiết khấu:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{giá của một} \\ \text{đơn vị NVL} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{đơn vị} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{chuyên chở} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{nhập kho} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

+ Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp cho một đơn vị sản phẩm phản ánh theo số lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho một đơn vị thành phẩm, có cho phép những tiêu hao trong định mức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Định mức} & & & & & & \\ \text{lượng NVL} & & \text{Lượng NVL cần} & & \text{Mức} & & \text{Mức NVL} \\ \text{trực tiếp} & = & \text{thiết để sản xuất} & + & \text{hao hụt} & + & \text{cho sản phẩm} \\ \text{cho một đơn vị} & & \text{một đơn vị sản phẩm} & & \text{cho} & & \text{hỏng (cho phép)} \\ \text{sản phẩm} & & & & \text{phép} & & \end{array}$$

Từ đó định mức chi phí nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Định mức chi phí NVL} & & & & & & \text{Định mức} \\ \text{Một đơn vị sản phẩm} & = & \text{Định mức giá một} & & \text{lượng NVL} & & \\ \text{Sản xuất} & & \text{đơn vị NVL} & \times & \text{cho 1 đơn vị sản phẩm} & & \\ & & & & \text{sản xuất} & & \end{array}$$

Giá tiêu chuẩn về nguyên vật liệu thường được xác định bởi nhân viên phòng kế hoạch đầu tư. Nhân viên cung ứng thường tập hợp giá nguyên vật liệu của các nhà cung cấp khác nhau, để từ đó chọn một nhà cung cấp có thể đáp ứng, các yêu cầu về chất lượng nguyên vật liệu cũng như giá cả hợp lý.

Lượng tiêu chuẩn về nguyên vật liệu trực tiếp thường được xác định bởi các kỹ sư và giám đốc sản xuất, căn cứ trên tình trạng sử dụng thực tế.

Xây dựng được định mức dự trữ sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu vừa đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng, hoạt động sản xuất được diễn ra thường xuyên, liên tục, không bị ngưng trệ cũng như nắm bắt kịp thời các cơ hội trong kinh doanh.

KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty cổ phần VILACO em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng công tác kế toán nguyên vật liệu tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo sản xuất cũng như việc lập kế hoạch thu mua, sử dụng và chi tiêu nguyên vật liệu thích hợp từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc hạ giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp .

Khóa luận “ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần VILACO ” đã nêu được vấn đề cơ bản sau :

- Về lý luận khóa luận đã nêu và hệ thống được những vấn đề cơ bản về nguyên vật liệu và công tác hạch toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp.

- Về thực tế đã phản ánh thực trạng công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu cũng như việc quản lý sử dụng nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần VILACO và đã chứng minh bằng số liệu năm 2012 cho các lập luận đã nêu ra.

- Đối chiếu giữa lý luận và thực tế lại Công ty cổ phần VILACO, khóa luận đưa ra một số nguyên nhân, phương hướng hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần VILACO.

Do thời gian thực tập không nhiều và kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em còn nhiều thiếu sót vì vậy em mong nhận được sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến của các thầy cô và các bạn để em có thể hoàn thiện được bài khóa luận tốt hơn. Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, nhân viên trong phòng kế toán và các phòng ban khác của Công ty cổ phần VILACO và cô giáo hướng dẫn Nguyễn Thị Mai Linh đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.